

LUẬT ĐẦU TƯ

INVESTMENT LAW

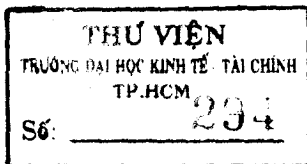
Of the Socialist Republic of Vietnam

(This Law shall be of full force and effect as of July 01, 2006)

LUẬT ĐẦU TƯ

CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01-07-2006)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
Ho Chi Minh City General Publishing House

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 29 tháng 11 năm 2005, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Luật Đầu tư. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2006, thay thế Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài năm 2000 và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998.

Ngày 12 tháng 12 năm 2005, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký Lệnh số 32/2005/L/CTN về việc công bố Luật Đầu tư.

Luật Đầu tư là một đạo luật quan trọng trong hệ thống pháp luật kinh tế Việt Nam. Luật Đầu tư đã và đang được đông đảo bạn đọc, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước quan tâm theo dõi. Xuất phát từ tình hình trên, Nhà Xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh cho xuất bản cuốn sách “**LUẬT ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM – INVESTMENT LAW OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**”, sách được trình bày song ngữ Anh – Việt.

Nhà xuất bản mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

Phần thứ nhất

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2005

I/ GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2005

Luật Đầu tư đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 (sau đây gọi tắt là Luật Đầu tư năm 2005). Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006, thay thế Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài năm 2000 và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998. Ngày 12 tháng 12 năm 2005, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký Lệnh số 32/2005/L/CTN về việc công bố Luật.

Luật Đầu tư điều chỉnh về hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; khuyến khích và ưu đãi đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.

Luật Đầu tư là một đạo luật quan trọng trong hệ thống pháp luật về kinh tế Việt Nam, có ý nghĩa to lớn trong đời sống kinh tế – xã hội nước ta. Nó thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề đầu tư, khẳng định chủ trương pháp luật phù hợp trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, giữa đầu tư trong nước và nước ngoài, khuyến khích và tạo

điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư phát triển và cạnh tranh lành mạnh.

Cùng với sự sửa đổi, bổ sung và ban hành mới hàng loạt các đạo luật quan trọng như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Thương mại, các luật thuế, Luật Sở hữu trí tuệ... Đảng và Nhà nước ta đã và đang hoàn tất hành lang pháp lý, xoá bỏ sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, giữa đầu tư trong nước và nước ngoài, thể hiện sự thay đổi cơ bản và toàn diện về pháp luật kinh tế nước ta, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và giai đoạn chuẩn bị cho quá trình hội nhập toàn diện.

II/ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2005

Luật Đầu tư năm 2005 gồm có 10 chương, 89 điều. Nội dung các chương bao gồm: *Những quy định chung; Bảo đảm đầu tư; Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; Hình thức đầu tư; Lĩnh vực, địa bàn đầu tư, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; Hoạt động đầu tư trực tiếp; Đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước; Đầu tư ra nước ngoài; Quản lý nhà nước về đầu tư; Điều khoản thi hành.*

Bố cục của Luật Đầu tư năm 2005 như sau:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Chương này gồm có 5 điều (từ Điều 1 đến Điều 5), nội dung quy định những vấn đề chung cơ bản của Luật Đầu tư.

Chương II

BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ

Chương này gồm có 7 điều (từ Điều 6 đến Điều 12) quy định những nội dung về bảo đảm vốn và tài sản, chuyển vốn và tài sản ra nước ngoài, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật, chính sách.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Chương này gồm có 8 điều (từ Điều 13 đến Điều 20) quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư như quyền tự chủ đầu tư trong kinh doanh, quyền tiếp cận, sử dụng nguồn lực đầu tư; quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quảng cáo, tiếp thị, gia công và gia công lại liên quan đến hoạt động đầu tư và các quyền, nghĩa vụ khác.

Chương IV

HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

Chương này gồm có 6 điều (từ Điều 21 đến Điều 26) quy định về các hình thức đầu tư như: Đầu tư trực tiếp; đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng; đầu tư phát triển kinh doanh; góp vốn, mua cổ phần và sáp nhập mua lại; đầu tư gián tiếp.

Chương V

LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN ĐẦU TƯ, ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Chương này gồm có 18 điều (từ Điều 27 đến Điều 44) quy định về lĩnh vực, địa bàn đầu tư, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP

Chương này gồm có 22 điều (từ Điều 45 đến Điều 66), đây là một chương lớn và quan trọng của Luật Đầu tư năm 2005. Nội dung chương này điều chỉnh toàn bộ hoạt động đầu tư trực tiếp.

Chương VII

ĐẦU TƯ, KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Chương này gồm có 7 điều (từ Điều 67 đến Điều 73), nội dung điều chỉnh toàn bộ hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước.

Chương VIII

ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Chương này gồm có 6 điều (từ Điều 74 đến điều 79), nội dung điều chỉnh toàn bộ hoạt động đầu tư ra nước ngoài, lĩnh vực khuyến khích, cấm đầu tư ra nước ngoài, điều kiện, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư ra nước ngoài.

Chương IX

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ

Chương này gồm có 8 điều (từ Điều 80 đến Điều 87) quy định nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư. Các hình thức của quản lý nhà nước về đầu tư như quản lý đầu tư theo quy hoạch, xúc tiến đầu tư, theo dõi, đánh giá, thanh tra về hoạt động đầu tư và các biện pháp xử lý khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm trong hoạt động đầu tư.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Chương này gồm có 2 điều (Điều 88 và Điều 89). Đây là chương cuối cùng của Luật Đầu tư năm 2005, quy định các Điều khoản thi hành của Luật. Theo đó, Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006, thay thế Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài năm 2000 và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998.

III/ NHỮNG THUẬT NGỮ ĐƯỢC DÙNG TRONG LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2005

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đầu tư* là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. *Đầu tư trực tiếp* là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

3. *Đầu tư gián tiếp* là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác, quỹ đầu tư chứng khoán và thông qua các định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

4. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

a) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật hợp tác xã;

c) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập trước khi Luật này có hiệu lực;

d) Hộ kinh doanh, cá nhân;

đ) Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;

e) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. *Nhà đầu tư nước ngoài* là tổ chức, cá nhân nước ngoài bỏ vốn để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

6. *Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* bao gồm doanh nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam; doanh nghiệp Việt Nam do nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, sáp nhập, mua lại.

7. *Hoạt động đầu tư* là hoạt động của nhà đầu tư trong quá trình đầu tư bao gồm các khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện và quản lý dự án đầu tư.

8. *Dự án đầu tư* là tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.

9. *Vốn đầu tư* là tiền và các tài sản hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động đầu tư theo hình thức đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp.

10. *Vốn nhà nước* là vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư khác của Nhà nước.

11. *Chủ đầu tư* là tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc người thay mặt chủ sở hữu hoặc người vay vốn và trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư.

12. *Đầu tư nước ngoài* là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư.

13. *Đầu tư trong nước* là việc nhà đầu tư trong nước bỏ vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

14. *Đầu tư ra nước ngoài* là việc nhà đầu tư đưa vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác từ Việt Nam ra nước ngoài để tiến hành hoạt động đầu tư.

15. *Lĩnh vực đầu tư có điều kiện* là lĩnh vực chỉ được thực hiện đầu tư với các điều kiện cụ thể do pháp luật quy định.

16. *Hợp đồng hợp tác kinh doanh* (sau đây gọi tắt là hợp đồng BCC) là hình thức đầu tư được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập pháp nhân.

17. *Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao* (sau đây gọi tắt là hợp đồng BOT) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước Việt Nam.

18. *Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh* (sau đây gọi tắt là hợp đồng BTO) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng

công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam; Chính phủ dành cho nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận.

19. *Hợp đồng xây dựng - chuyển giao* (sau đây gọi tắt là hợp đồng BT) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam; Chính phủ tạo điều kiện cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hoặc thanh toán cho nhà đầu tư theo thỏa thuận trong hợp đồng BT.

20. *Khu công nghiệp* là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

21. *Khu chế xuất* là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

22. *Khu công nghệ cao* là khu chuyên nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

23. *Khu kinh tế* là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt với môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi cho các nhà đầu tư, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

Phần thứ hai

LUẬT ĐẦU TƯ (29-11-2005)

LỆNH SỐ 32/2005/L/CTN NGÀY 12-12-2005 CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC

Về việc công bố Luật

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 50 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

NAY CÔNG BỐ

Luật Đầu tư.

Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

**CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRẦN ĐỨC LƯƠNG (Đã ký)**

**LUẬT ĐẦU TƯ SỐ 59/2005/QH11 NGÀY
29-11-2005 CỦA QUỐC HỘI
(Có hiệu lực từ ngày 01-07-2006)**

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về hoạt động đầu tư.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; khuyến khích và ưu đãi đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đầu tư* là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản

hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. *Đầu tư trực tiếp* là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

3. *Đầu tư gián tiếp* là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác, quỹ đầu tư chứng khoán và thông qua các định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

4. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

a) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật doanh nghiệp;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật hợp tác xã;

c) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập trước khi Luật này có hiệu lực;

d) Hộ kinh doanh, cá nhân;

đ) Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;

e) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. *Nhà đầu tư nước ngoài* là tổ chức, cá nhân nước ngoài bỏ vốn để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

6. *Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* bao gồm doanh nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện hoạt

động đầu tư tại Việt Nam; doanh nghiệp Việt Nam do nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, sáp nhập, mua lại.

7. *Hoạt động đầu tư* là hoạt động của nhà đầu tư trong quá trình đầu tư bao gồm các khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện và quản lý dự án đầu tư.

8. *Dự án đầu tư* là tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.

9. *Vốn đầu tư* là tiền và các tài sản hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động đầu tư theo hình thức đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp.

10. *Vốn nhà nước* là vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư khác của Nhà nước.

11. *Chủ đầu tư* là tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc người thay mặt chủ sở hữu hoặc người vay vốn và trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư.

12. *Đầu tư nước ngoài* là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư.

13. *Đầu tư trong nước* là việc nhà đầu tư trong nước bỏ vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

14. *Đầu tư ra nước ngoài* là việc nhà đầu tư đưa vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác từ Việt Nam ra nước ngoài để tiến hành hoạt động đầu tư.

15. *Lĩnh vực đầu tư có điều kiện* là lĩnh vực chỉ được thực hiện đầu tư với các điều kiện cụ thể do pháp luật quy định.

16. *Hợp đồng hợp tác kinh doanh* (sau đây gọi tắt là hợp đồng BCC) là hình thức đầu tư được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập pháp nhân.

17. *Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao* (sau đây gọi tắt là hợp đồng BOT) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư chuyển giao không bồi hoàn công trình đó cho Nhà nước Việt Nam.

18. *Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh* (sau đây gọi tắt là hợp đồng BTO) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam; Chính phủ dành cho nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận.

19. *Hợp đồng xây dựng - chuyển giao* (sau đây gọi tắt là hợp đồng BT) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho Nhà nước Việt Nam; Chính phủ tạo điều kiện cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hoặc thanh toán cho nhà đầu tư theo thỏa thuận trong hợp đồng BT.

20. *Khu công nghiệp* là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

21. *Khu chế xuất* là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

22. *Khu công nghệ cao* là khu chuyên nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

23. *Khu kinh tế* là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt với môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi cho các nhà đầu tư, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Chính sách về đầu tư

1. Nhà đầu tư được đầu tư trong các lĩnh vực và ngành, nghề mà pháp luật không cấm; được tự chủ và quyết định hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Nhà nước đối xử bình đẳng trước pháp luật đối với các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư.

3. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của

nhà đầu tư; thừa nhận sự tồn tại và phát triển lâu dài của các hoạt động đầu tư.

4. Nhà nước cam kết thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến đầu tư mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Nhà nước khuyến khích và có chính sách ưu đãi đối với đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư.

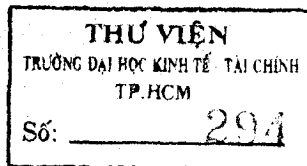
Điều 5. Áp dụng pháp luật đầu tư, điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài và tập quán đầu tư quốc tế

1. Hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động đầu tư đặc thù được quy định trong luật khác thì áp dụng quy định của luật đó.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

4. Đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa có quy định, các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng việc áp dụng pháp luật nước ngoài và tập quán đầu tư quốc tế nếu việc áp dụng pháp luật nước ngoài và tập quán đầu tư quốc tế đó không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.



Chương II

BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ

Điều 6. Bảo đảm về vốn và tài sản

1. Vốn đầu tư và tài sản hợp pháp của nhà đầu tư không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

2. Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia, Nhà nước trưng mua, trưng dụng tài sản của nhà đầu tư thì nhà đầu tư được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm công bố việc trưng mua, trưng dụng.

Việc thanh toán hoặc bồi thường phải bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư.

3. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, việc thanh toán hoặc bồi thường tài sản quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi và được quyền chuyển ra nước ngoài.

4. Thể thức, điều kiện trưng mua, trưng dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động đầu tư; bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư trong việc chuyển giao công nghệ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Mở cửa thị trường, đầu tư liên quan đến thương mại

Để phù hợp với các quy định trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Nhà nước bảo đảm thực hiện đối với nhà đầu tư nước ngoài các quy định sau đây:

1. Mở cửa thị trường đầu tư phù hợp với lộ trình đã cam kết;

2. Không bắt buộc nhà đầu tư phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Ưu tiên mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ trong nước hoặc phải mua hàng hóa, dịch vụ từ nhà sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhất định trong nước;

b) Xuất khẩu hàng hóa hoặc xuất khẩu dịch vụ đạt một tỷ lệ nhất định; hạn chế số lượng, giá trị, loại hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu hoặc sản xuất, cung ứng trong nước;

c) Nhập khẩu hàng hóa với số lượng và giá trị tương ứng với số lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu hoặc phải tự cân đối ngoại tệ từ nguồn xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu;

d) Đạt được tỷ lệ nội địa hóa nhất định trong hàng hóa sản xuất;

đ) Đạt được một mức độ nhất định hoặc giá trị nhất định trong hoạt động nghiên cứu và phát triển ở trong nước;

e) Cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại một địa điểm cụ thể ở trong nước hoặc nước ngoài;

g) Đặt trụ sở chính tại một địa điểm cụ thể.

Điều 9. Chuyển vốn, tài sản ra nước ngoài

1. Sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài các khoản sau đây:

- a) Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh;
- b) Những khoản tiền trả cho việc cung cấp kỹ thuật, dịch vụ, sở hữu trí tuệ;
- c) Tiền gốc và lãi các khoản vay nước ngoài;
- d) Vốn đầu tư, các khoản thanh lý đầu tư;
- đ) Các khoản tiền và tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam cho các dự án đầu tư được chuyển ra nước ngoài thu nhập hợp pháp của mình sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam.

3. Việc chuyển ra nước ngoài các khoản trên được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng thương mại do nhà đầu tư lựa chọn.

4. Thủ tục chuyển ra nước ngoài các khoản tiền liên quan đến hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

Điều 10. Áp dụng giá, phí, lệ phí thống nhất

Trong quá trình hoạt động đầu tư tại Việt Nam, nhà đầu tư được áp dụng thống nhất giá, phí, lệ phí đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước kiểm soát.

Điều 11. Bảo đảm đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật, chính sách

1. Trường hợp pháp luật, chính sách mới được ban hành có các quyền lợi và ưu đãi cao hơn so với quyền lợi, ưu đãi mà nhà đầu tư đã được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được hưởng các quyền lợi, ưu đãi theo quy định mới kể từ ngày pháp luật, chính sách mới đó có hiệu lực.

2. Trường hợp pháp luật, chính sách mới ban hành làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp mà nhà đầu tư đã được hưởng trước khi quy định của pháp luật, chính sách đó có hiệu lực thì nhà đầu tư được bảo đảm hưởng các ưu đãi như quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được giải quyết bằng một, một số hoặc các biện pháp sau đây:

- a) Tiếp tục hưởng các quyền lợi, ưu đãi;
- b) Được trừ thiệt hại vào thu nhập chịu thuế;
- c) Được điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án;
- d) Được xem xét bồi thường trong một số trường hợp cần thiết.

3. Căn cứ vào quy định của pháp luật và cam kết trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định cụ thể về việc bảo đảm lợi ích của nhà đầu tư do việc thay đổi pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích của nhà đầu tư.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật.

2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước với nhau hoặc với cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam.

3. Tranh chấp mà một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc tranh chấp giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:

- a) Tòa án Việt Nam;
- b) Trọng tài Việt Nam;
- c) Trọng tài nước ngoài;
- d) Trọng tài quốc tế;
- d) Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập.

4. Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng được ký giữa đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư nước ngoài hoặc trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 13. Quyền tự chủ đầu tư, kinh doanh

1. Lựa chọn lĩnh vực đầu tư, hình thức đầu tư, phương thức huy động vốn, địa bàn, quy mô đầu tư, đối tác đầu tư và

thời hạn hoạt động của dự án.

2. Đăng ký kinh doanh một hoặc nhiều ngành, nghề; thành lập doanh nghiệp theo quy định pháp luật; tự quyết định về hoạt động đầu tư, kinh doanh đã đăng ký.

Điều 14. Quyền tiếp cận, sử dụng nguồn lực đầu tư

1. Bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng các nguồn vốn tín dụng, quỹ hỗ trợ; sử dụng đất đai và tài nguyên theo quy định của pháp luật.

2. Thuê hoặc mua thiết bị, máy móc ở trong nước và nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư.

3. Thuê lao động trong nước; thuê lao động nước ngoài làm công việc quản lý, lao động kỹ thuật, chuyên gia theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 15. Quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quảng cáo, tiếp thị, gia công và gia công lại liên quan đến hoạt động đầu tư

1. Trực tiếp nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu và hàng hóa cho hoạt động đầu tư; trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm.

2. Quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, dịch vụ của mình và trực tiếp ký hợp đồng quảng cáo với tổ chức được quyền hoạt động quảng cáo.

3. Thực hiện hoạt động gia công, gia công lại sản phẩm; đặt gia công và gia công lại trong nước, đặt gia công ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về thương mại.

Điều 16. Quyền mua ngoại tệ

1. Nhà đầu tư được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được quyền kinh doanh ngoại tệ để đáp ứng cho giao dịch vãng lai, giao dịch vốn và các giao dịch khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

2. Chính phủ bảo đảm cân đối hoặc hỗ trợ cân đối ngoại tệ đối với một số dự án quan trọng trong lĩnh vực năng lượng, kết cấu hạ tầng giao thông, xử lý chất thải.

Điều 17. Quyền chuyển nhượng, điều chỉnh vốn hoặc dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng, điều chỉnh vốn hoặc dự án đầu tư. Trường hợp chuyển nhượng có phát sinh lợi nhuận thì bên chuyển nhượng phải nộp thuế thu nhập theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Chính phủ quy định về điều kiện chuyển nhượng, điều chỉnh vốn, dự án đầu tư trong những trường hợp phải quy định có điều kiện.

Điều 18. Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

Nhà đầu tư có dự án đầu tư được thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam để vay vốn thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Các quyền khác của nhà đầu tư

1. Hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công theo nguyên tắc không phân biệt đối xử.

3. Tiếp cận các văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến đầu tư; các dữ liệu của nền kinh tế quốc dân, của từng khu vực kinh tế và các thông tin kinh tế - xã hội khác có liên quan đến hoạt động đầu tư; góp ý kiến về pháp luật, chính sách liên quan đến đầu tư.

4. Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thủ tục đầu tư; thực hiện hoạt động đầu tư theo đúng nội dung đăng ký đầu tư, nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung đăng ký đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư và tính hợp pháp của các văn bản xác nhận.

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán và thống kê.

4. Thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm, lao động; tôn trọng danh dự, nhân phẩm, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động.

5. Tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập, tham gia tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

6. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

Điều 21. Các hình thức đầu tư trực tiếp

1. Thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà đầu tư trong nước hoặc 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài.
2. Thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.
3. Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC, hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BT.
4. Đầu tư phát triển kinh doanh.
5. Mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý hoạt động đầu tư.
6. Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp.
7. Các hình thức đầu tư trực tiếp khác.

Điều 22. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế

1. Căn cứ vào các hình thức đầu tư quy định tại Điều 21 của Luật này, nhà đầu tư được đầu tư để thành lập các tổ chức kinh tế sau đây:

- a) Doanh nghiệp tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp;
- b) Tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính khác theo quy định của pháp luật;

c) Cơ sở dịch vụ y tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, thể thao và các cơ sở dịch vụ khác có hoạt động đầu tư sinh lợi;

d) Các tổ chức kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư trong nước được đầu tư để thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức và hoạt động theo Luật hợp tác xã; hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Đầu tư theo hợp đồng

1. Nhà đầu tư được ký kết hợp đồng BCC để hợp tác sản xuất phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.

Đối tượng, nội dung hợp tác, thời hạn kinh doanh, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi bên, quan hệ hợp tác giữa các bên và tổ chức quản lý do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng.

Hợp đồng BCC trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và một số tài nguyên khác dưới hình thức hợp đồng phân chia sản phẩm được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nhà đầu tư ký kết hợp đồng BOT, hợp đồng BTO và hợp đồng BT với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các dự án xây dựng mới, mở rộng, hiện đại hóa và vận hành các dự án kết cấu hạ tầng trong lĩnh vực giao thông, sản xuất và kinh doanh điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và các lĩnh vực khác do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Chính phủ quy định lĩnh vực đầu tư, điều kiện, trình tự, thủ tục và phương thức thực hiện dự án đầu tư; quyền và

nghĩa vụ của các bên thực hiện dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, hợp đồng BTO và hợp đồng BT.

Điều 24. Đầu tư phát triển kinh doanh

Nhà đầu tư được đầu tư phát triển kinh doanh thông qua các hình thức sau đây:

1. Mở rộng quy mô, nâng cao công suất, năng lực kinh doanh;
2. Đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm ô nhiễm môi trường.

Điều 25. Góp vốn, mua cổ phần và sáp nhập, mua lại

1. Nhà đầu tư được góp vốn, mua cổ phần của các công ty, chi nhánh tại Việt Nam.

Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đối với một số lĩnh vực, ngành, nghề do Chính phủ quy định.

2. Nhà đầu tư được quyền sáp nhập, mua lại công ty, chi nhánh.

Điều kiện sáp nhập, mua lại công ty, chi nhánh theo quy định của Luật này, pháp luật về cạnh tranh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Đầu tư gián tiếp

1. Nhà đầu tư thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam theo các hình thức sau đây:

- a) Mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác;
- b) Thông qua quỹ đầu tư chứng khoán;
- c) Thông qua các định chế tài chính trung gian khác.

2. Đầu tư thông qua mua, bán cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác của tổ chức, cá nhân và thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương V **LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN ĐẦU TƯ, ƯU ĐÃI** **VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

MỤC 1 **LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN ĐẦU TƯ**

Điều 27. Lĩnh vực ưu đãi đầu tư

1. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo.

2. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới.

3. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ương tạo công nghệ cao.

4. Sử dụng nhiều lao động.

5. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, các dự án quan trọng, có quy mô lớn.

6. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc.

7. Phát triển ngành, nghề truyền thống.

8. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác cần khuyến khích.

Điều 28. Địa bàn ưu đãi đầu tư

1. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Điều 29. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện bao gồm:

a) Lĩnh vực tác động đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

b) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng;

c) Lĩnh vực tác động đến sức khỏe cộng đồng;

d) Văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản;

đ) Dịch vụ giải trí;

e) Kinh doanh bất động sản;

g) Khảo sát, tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên; môi trường sinh thái;

h) Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo;

i) Một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, ngoài các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, các lĩnh vực đầu tư có điều kiện còn bao gồm các lĩnh vực đầu tư theo lộ trình thực hiện cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đầu tư trong các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhưng trong quá trình hoạt động, lĩnh vực đã đầu tư được bổ sung vào Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư vẫn được tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực đó.

4. Nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện đầu tư như nhà đầu tư trong nước trong trường hợp các nhà đầu tư Việt Nam sở hữu từ 51% vốn Điều lệ của doanh nghiệp trở lên.

5. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phù hợp với các cam kết trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện, các điều kiện liên quan đến việc thành lập tổ chức kinh tế, hình thức đầu tư, mở cửa thị trường trong một số lĩnh vực đối với đầu tư nước ngoài.

Điều 30. Lĩnh vực cấm đầu tư

1. Các dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và lợi ích công cộng.

2. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

3. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.

4. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế.

Điều 31. Ban hành danh mục các lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư, đầu tư có điều kiện

1. Căn cứ vào quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và cam kết trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện, Danh mục lĩnh vực cấm đầu tư, Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) không được ban hành quy định lĩnh vực cấm đầu tư, lĩnh vực đầu tư có điều kiện và các ưu đãi đầu tư vượt khung quy định của pháp luật.

MỤC 2
ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 32. Đối tượng và điều kiện ưu đãi đầu tư

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Điều 27 và Điều 28 của Luật này được hưởng các ưu đãi theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, năng lực kinh doanh, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm ô nhiễm môi trường.

Điều 33. Ưu đãi về thuế

1. Nhà đầu tư có dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 32 của Luật này được hưởng thuế suất ưu đãi, thời hạn hưởng thuế suất ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi về thuế cho phần thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần vào tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về thuế sau khi tổ chức kinh tế đó đã nộp đủ thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

4. Thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc diện ưu đãi đầu tư được miễn thuế thu nhập theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 34. Chuyển lỗ

Nhà đầu tư sau khi đã quyết toán thuế với cơ quan thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Thời gian được chuyển lỗ không quá năm năm.

Điều 35. Khấu hao tài sản cố định

Dự án đầu tư trong lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư và dự án kinh doanh có hiệu quả được áp dụng khấu hao nhanh đối với tài sản cố định; mức khấu hao tối đa là hai lần mức khấu hao theo chế độ khấu hao tài sản cố định.

Điều 36. Ưu đãi về sử dụng đất

1. Thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư không quá năm mươi năm; đối với dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm, dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà cần thời hạn dài hơn thì thời hạn giao đất, thuê đất không quá bảy mươi năm.

Khi hết thời hạn sử dụng đất, nếu nhà đầu tư chấp hành đúng pháp luật về đất đai và có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất thì sẽ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét gia hạn sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. Nhà đầu tư đầu tư trong lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế.

Điều 37. Ưu đãi đối với nhà đầu tư đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và các nguyên tắc quy định tại Luật này, Chính phủ quy định những ưu đãi cho các nhà đầu tư đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Điều 38. Thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư trong nước thuộc diện không phải đăng ký đầu tư và dự án thuộc diện đăng ký đầu tư quy định tại Điều 45 của Luật này, nhà đầu tư căn cứ vào các ưu đãi và điều kiện ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật để tự xác

định ưu đãi và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu xác nhận ưu đãi đầu tư thì làm thủ tục đăng ký đầu tư để cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư trong nước thuộc diện thẩm tra đầu tư quy định tại Điều 47 của Luật này đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 39. Trường hợp mở rộng ưu đãi

Trường hợp cần khuyến khích phát triển một ngành đặc biệt quan trọng hoặc một vùng, một khu vực kinh tế đặc biệt, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định về các ưu đãi đầu tư khác với các ưu đãi đầu tư được quy định trong Luật này.

MỤC 3 HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 40. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên chuyển giao công nghệ, bao gồm cả việc góp vốn bằng công nghệ, để thực hiện các dự án đầu tư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Nhà nước khuyến khích việc chuyển giao vào Việt Nam công nghệ tiên tiến, công nghệ nguồn và các công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, tài nguyên thiên nhiên.

Điều 41. Hỗ trợ đào tạo

1. Nhà nước khuyến khích lập quỹ hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực từ nguồn vốn góp và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Chi phí đào tạo của doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Nhà nước hỗ trợ từ nguồn ngân sách cho việc đào tạo lao động trong các doanh nghiệp thông qua các chương trình trợ giúp đào tạo.

Điều 42. Hỗ trợ và khuyến khích phát triển dịch vụ đầu tư

Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành các dịch vụ hỗ trợ đầu tư sau đây:

1. Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý;
2. Tư vấn về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ;
3. Dạy nghề, đào tạo kỹ thuật, kỹ năng quản lý;
4. Cung cấp thông tin về thị trường, thông tin khoa học - kỹ thuật, công nghệ và các thông tin kinh tế, xã hội khác mà nhà đầu tư yêu cầu;
5. Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại;

6. Thành lập, tham gia các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

7. Thành lập các trung tâm thiết kế, thử nghiệm để hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Điều 43. Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

1. Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đã được Chính phủ phê duyệt, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch đầu tư và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với một số địa phương có địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho địa phương để cùng với nhà đầu tư đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trong hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất theo quy định của Chính phủ.

3. Nhà nước dành nguồn vốn đầu tư từ ngân sách và tín dụng ưu đãi để hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu công nghệ cao, khu kinh tế và áp dụng một số phương thức huy động vốn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Điều 44. Thị thực xuất cảnh, nhập cảnh

Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư, chuyên gia và lao động kỹ thuật là người nước ngoài làm việc thường xuyên trong dự án đầu tư tại Việt Nam và các thành viên gia đình

họ được cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh nhiều lần. Thời hạn của thị thực tối đa là năm năm cho mỗi lần cấp.

Chương VI **HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP**

MỤC 1 *THỦ TỤC ĐẦU TƯ*

Điều 45. Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước

1. Đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư dưới mười lăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư không phải làm thủ tục đăng ký đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ mười lăm tỷ đồng Việt Nam đến dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký đầu tư theo mẫu tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp tỉnh.

Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Nội dung đăng ký đầu tư bao gồm:

- a) Tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
- b) Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện dự án đầu tư;
- c) Vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án;
- d) Nhu cầu sử dụng đất và cam kết về bảo vệ môi trường;

đ) Kiến nghị ưu đãi đầu tư (nếu có).

4. Nhà đầu tư đăng ký đầu tư trước khi thực hiện dự án đầu tư.

Điều 46. Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài

1. Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký đầu tư tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp tỉnh để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Hồ sơ đăng ký đầu tư bao gồm:

a) Văn bản về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này;

b) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư;

c) Hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng BCC, Điều lệ doanh nghiệp (nếu có).

3. Cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký đầu tư hợp lệ.

Điều 47. Thẩm tra dự án đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư trong nước, dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư từ ba trăm tỷ đồng Việt Nam trở lên và dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư có điều kiện thì phải thực hiện thủ tục thẩm tra để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Thời hạn thẩm tra đầu tư không quá ba mươi ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp cần thiết, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá bốn mươi lăm ngày.

3. Đối với dự án quan trọng quốc gia thì Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư và quy định tiêu chuẩn dự án, Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thẩm tra và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

4. Chính phủ quy định việc phân cấp thẩm tra và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 48. Thủ tục thẩm tra đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ ba trăm tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Hồ sơ dự án bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

c) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư;

d) Giải trình kinh tế - kỹ thuật với các nội dung về mục tiêu, địa điểm đầu tư, nhu cầu sử dụng đất, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án, giải pháp công nghệ, giải pháp về môi trường;

đ) Đối với nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ còn bao gồm hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng BCC, Điều lệ doanh nghiệp (nếu có).

2. Nội dung thẩm tra bao gồm:

a) Sự phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng - kỹ thuật, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử

dụng khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác;

- b) Nhu cầu sử dụng đất;
- c) Tiến độ thực hiện dự án;
- d) Giải pháp về môi trường.

Điều 49. Thủ tục thẩm tra đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Thủ tục thẩm tra đối với dự án có quy mô vốn đầu tư dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện được quy định như sau:

a) Hồ sơ dự án bao gồm giải trình điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng; nội dung đăng ký đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này đối với dự án đầu tư trong nước hoặc khoản 2 Điều 46 của Luật này đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Nội dung thẩm tra bao gồm các điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng.

2. Thủ tục thẩm tra đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ ba trăm tỷ đồng Việt Nam trở lên và thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện được quy định như sau:

a) Hồ sơ dự án bao gồm giải trình điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng; nội dung hồ sơ thẩm tra quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này.

b) Nội dung thẩm tra bao gồm các điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng và nội dung quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật này.

Điều 50. Thủ tục đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế

1. Nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đầu tư vào Việt Nam phải có dự án đầu tư và làm thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã thành lập tại Việt Nam nếu có dự án đầu tư mới thì được làm thủ tục thực hiện dự án đầu tư đó mà không nhất thiết phải thành lập tổ chức kinh tế mới.

3. Nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế thì thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật này.

Điều 51. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Khi có nhu cầu điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức, vốn, thời hạn dự án thì nhà đầu tư thực hiện thủ tục sau đây:

a) Đối với dự án đăng ký đầu tư, nhà đầu tư tự quyết định và đăng ký nội dung điều chỉnh cho cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp tỉnh trong thời hạn mười ngày kể từ ngày quyết định điều chỉnh;

b) Đối với dự án thuộc diện thẩm tra đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư cho cơ quan nhà nước quản lý đầu tư theo thẩm quyền để xem xét điều chỉnh.

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư bao gồm các nội dung về tình hình thực hiện dự án, lý do điều chỉnh, những

thay đổi so với nội dung đã thẩm tra.

2. Cơ quan nhà nước quản lý đầu tư thông báo cho nhà đầu tư việc điều chỉnh chứng nhận đầu tư trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Việc điều chỉnh dự án đầu tư được thực hiện dưới hình thức điều chỉnh, bổ sung nội dung vào Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 52. Thời hạn hoạt động của dự án có vốn đầu tư nước ngoài

Thời hạn hoạt động của dự án có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với yêu cầu hoạt động dự án và không quá năm mươi năm; trường hợp cần thiết, Chính phủ quyết định thời hạn dài hơn đối với dự án nhưng không quá bảy mươi năm.

Thời hạn hoạt động của dự án được ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 53. Trách nhiệm lập dự án, quyết định đầu tư, thẩm tra đầu tư

1. Nhà đầu tư tự quyết định về dự án đầu tư; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung đăng ký đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư và thực hiện cam kết đầu tư đã đăng ký.

2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền lập dự án, quyết định đầu tư, thẩm tra, chứng nhận đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về các đề xuất và quyết định của mình.

Điều 54. Lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có nhiều nhà đầu tư quan tâm

Đối với dự án quan trọng được xác định trong quy hoạch ngành có từ hai nhà đầu tư trở lên quan tâm thì việc lựa chọn

nhà đầu tư thực hiện dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

MỤC 2

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 55. Thuê, giao nhận đất thực hiện dự án

1. Đối với dự án đầu tư có yêu cầu sử dụng đất, nhà đầu tư liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền nơi thực hiện dự án để thực hiện thủ tục giao đất hoặc thuê đất.

Trình tự, thủ tục giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong trường hợp nhà đầu tư đã được bàn giao đất mà không tiến hành triển khai dự án trong thời hạn quy định hoặc sử dụng đất sai mục đích thì bị thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai và bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 56. Chuẩn bị mặt bằng xây dựng

1. Đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng trước khi giao đất hoặc cho nhà đầu tư thuê đất.

Việc thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đối với trường hợp nhà đầu tư thuê lại đất của người sử dụng đất được

Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì nhà đầu tư có trách nhiệm tự tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Trường hợp nhà đầu tư đã có thỏa thuận với người sử dụng đất về việc bồi thường, giải phóng mặt bằng mà người sử dụng đất không thực hiện các nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền nơi có dự án đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng trước khi bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì nhà đầu tư được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai mà không phải thực hiện thủ tục thu hồi đất.

Điều 57. Thực hiện dự án đầu tư có khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản

Dự án đầu tư có khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.

Điều 58. Thực hiện dự án đầu tư có xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư có xây dựng thì việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình và bảo vệ môi trường.

Điều 59. Giám định máy móc, thiết bị

Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về giám định giá trị và chất lượng của máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định, thực hiện dự án đầu tư.

Điều 60. Tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam

1. Nhà đầu tư được trực tiếp hoặc thông qua đại lý để tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam mà không bị giới hạn về địa bàn tiêu thụ; được làm đại lý tiêu thụ sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân khác có cùng loại sản phẩm sản xuất tại Việt Nam.

2. Nhà đầu tư tự quyết định giá bán sản phẩm hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất hoặc cung ứng; trường hợp hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước kiểm soát giá thì giá bán được thực hiện theo khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Điều 61. Tài khoản ngoại tệ, tài khoản tiền đồng Việt Nam

1. Nhà đầu tư được mở tài khoản ngoại tệ và tài khoản tiền đồng Việt Nam tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam. Trong trường hợp được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận, nhà đầu tư được mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài.

2. Việc mở, sử dụng và đóng tài khoản tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 62. Bảo hiểm

Nhà đầu tư thực hiện việc bảo hiểm tài sản và các bảo hiểm khác trên cơ sở hợp đồng bảo hiểm ký với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 63. Thuê tổ chức quản lý

1. Nhà đầu tư được thuê tổ chức quản lý để quản lý đầu tư và quản lý hoạt động kinh doanh của dự án đầu tư đối với các

lĩnh vực cần có kỹ năng quản lý chuyên sâu, trình độ cao.

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của tổ chức quản lý trước pháp luật Việt Nam đối với những vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý ghi trong hợp đồng.

3. Tổ chức quản lý chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về quản lý đầu tư và hoạt động kinh doanh của dự án đầu tư; phải tuân thủ pháp luật Việt Nam trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về những hoạt động của mình nằm ngoài phạm vi hợp đồng.

Điều 64. Tạm ngừng dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư

1. Nhà đầu tư khi tạm ngừng dự án đầu tư phải thông báo với cơ quan nhà nước quản lý đầu tư để được xác nhận làm cơ sở cho việc xem xét miễn, giảm tiền thuê đất trong thời hạn tạm ngừng dự án.

2. Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư sau mười hai tháng mà nhà đầu tư không triển khai hoặc không có khả năng thực hiện theo tiến độ đã cam kết và không có lý do chính đáng thì bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 65. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

Việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư được thực hiện theo một trong những trường hợp sau đây:

1. Hết thời hạn hoạt động ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư;
2. Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, Điều lệ doanh nghiệp hoặc thỏa thuận, cam

kết của các nhà đầu tư về tiến độ thực hiện dự án;

3. Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án;

4. Chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước quản lý đầu tư hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài do vi phạm pháp luật.

Điều 66. Bảo lãnh của Nhà nước cho một số công trình và dự án quan trọng

Căn cứ vào những nguyên tắc quy định trong Luật này, Chính phủ quyết định các dự án đầu tư quan trọng và quyết định việc bảo lãnh về vốn vay, cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm, thanh toán và các bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khác cho dự án; chỉ định cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc bảo lãnh.

Chương VII

ĐẦU TƯ, KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 67. Quản lý đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

1. Đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

2. Đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước phải đúng mục tiêu và có hiệu quả, bảo đảm có phương thức quản lý phù hợp đối với từng nguồn vốn, từng loại dự án đầu tư, quá trình đầu tư được thực hiện công khai, minh bạch.

3. Việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư hoặc liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết

định đầu tư thẩm định và chấp thuận.

4. Phân định rõ trách nhiệm, quyền của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong từng khâu của quá trình đầu tư; thực hiện phân công, phân cấp quản lý nhà nước về đầu tư, kinh doanh sử dụng vốn nhà nước.

5. Thực hiện đầu tư đúng pháp luật, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, chống dàn trải, lãng phí, thất thoát, khép kín.

Điều 68. Đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước vào tổ chức kinh tế

1. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước vào tổ chức kinh tế được thực hiện thông qua Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

2. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước độc lập hoặc thành lập mới.

3. Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Điều 69. Đầu tư của Nhà nước vào hoạt động công ích

1. Nhà nước đầu tư vào sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thông qua hình thức giao kế hoạch, đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, trừ trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định.

Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ các hoạt động công ích và danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 70. Đầu tư bằng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

1. Đối tượng sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là dự án đầu tư thuộc một số ngành, lĩnh vực quan trọng, chương trình kinh tế lớn có hiệu quả kinh tế - xã hội, có khả năng hoàn trả vốn vay.

Dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước phải được tổ chức cho vay thẩm định và chấp thuận phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay trước khi quyết định đầu tư.

2. Chính phủ quy định cụ thể về chính sách hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, danh mục các đối tượng được vay vốn và các điều kiện tín dụng trong từng thời kỳ.

Điều 71. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

Tổ chức, cá nhân được giao đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn có hiệu quả.

Tổ chức, cá nhân đại diện trực tiếp cho chủ sở hữu vốn nhà nước, đại diện cổ phần nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ và hoạt động theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước và Luật doanh nghiệp.

Điều 72. Thay đổi nội dung, hoãn, đình chỉ, hủy bỏ dự án đầu tư

1. Trường hợp thay đổi nội dung dự án đầu tư, chủ đầu tư phải giải trình rõ lý do, nội dung thay đổi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; nếu dự án đang triển khai thực hiện thì chủ đầu tư phải có báo cáo đánh giá về dự án.

2. Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thay đổi nội dung dự án bằng văn bản thì chủ đầu tư mới được lập, tổ chức thẩm tra và trình duyệt dự án theo đúng quy định.

3. Dự án đầu tư bị hoãn, đình chỉ hoặc hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Sau mười hai tháng kể từ ngày có quyết định đầu tư, chủ đầu tư không triển khai dự án mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thay đổi mục tiêu của dự án mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản.

4. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoãn, đình chỉ hoặc hủy bỏ dự án đầu tư phải xác định rõ lý do và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 73. Lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án

Dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước phải thực hiện đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp cho dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Chương VIII

ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 74. Đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư được đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và của nước tiếp nhận đầu tư.

2. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài và bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư Việt Nam ở nước ngoài theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế; bảo lãnh vay vốn đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư.

Điều 75. Lĩnh vực khuyến khích, cấm đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà nước Việt Nam khuyến khích các tổ chức kinh tế tại Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đối với những lĩnh vực xuất khẩu nhiều lao động; phát huy có hiệu quả các ngành, nghề truyền thống của Việt Nam; mở rộng thị trường, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên tại nước đầu tư; tăng khả năng xuất khẩu, thu ngoại tệ.

2. Nhà nước Việt Nam không cấp phép đầu tư ra nước ngoài đối với những dự án gây phương hại đến bí mật, an ninh quốc gia, quốc phòng, lịch sử, văn hóa, thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

Điều 76. Điều kiện đầu tư ra nước ngoài

1. Để được đầu tư ra nước ngoài theo hình thức đầu tư trực tiếp, nhà đầu tư phải có các điều kiện sau đây:

a) Có dự án đầu tư ra nước ngoài;

b) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam;

c) Được cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Việc đầu tư ra nước ngoài theo hình thức đầu tư gián tiếp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước.

Điều 77. Quyền của nhà đầu tư ra nước ngoài

1. Chuyển vốn đầu tư bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác ra nước ngoài để thực hiện đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối sau khi dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền của nước, vùng lãnh thổ đầu tư chấp thuận.

2. Được hưởng các ưu đãi về đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Tuyển dụng lao động Việt Nam sang làm việc tại cơ sở sản xuất, kinh doanh do nhà đầu tư thành lập ở nước ngoài.

Điều 78. Nghĩa vụ của nhà đầu tư ra nước ngoài

1. Tuân thủ pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư.

2. Chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập từ việc đầu tư ra nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tài chính và hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam.

5. Khi kết thúc đầu tư ở nước ngoài, chuyển toàn bộ vốn, tài sản hợp pháp về nước theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp nhà đầu tư chưa chuyển về nước vốn, tài sản, lợi nhuận và các khoản thu nhập từ việc đầu tư ở nước ngoài quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều này thì phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 79. Thủ tục đầu tư ra nước ngoài

1. Dự án đầu tư ra nước ngoài bao gồm:

a) Dự án đăng ký đầu tư là dự án có quy mô vốn đầu tư dưới mười lăm tỷ đồng Việt Nam;

b) Dự án thẩm tra đầu tư là dự án có quy mô vốn đầu tư từ mười lăm tỷ đồng Việt Nam trở lên.

2. Thủ tục đăng ký và thẩm tra đầu tư được quy định như sau:

a) Đối với dự án đăng ký đầu tư, nhà đầu tư đăng ký theo mẫu tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Đối với dự án thẩm tra đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo mẫu tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Chính phủ quy định cụ thể lĩnh vực khuyến khích, cấm, hạn chế đầu tư ra nước ngoài; điều kiện đầu tư, chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư ra nước ngoài; trình tự, thủ tục và quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Chương IX

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ

Điều 80. Nội dung quản lý nhà nước về đầu tư

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về đầu tư phát triển.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư.
3. Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và giải quyết những vướng mắc, yêu cầu của nhà đầu tư.
4. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.
5. Hướng dẫn, đánh giá hiệu quả đầu tư, kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư; giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động đầu tư.
6. Tổ chức hoạt động đào tạo nguồn nhân lực liên quan đến hoạt động đầu tư.
7. Tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư.

Điều 81. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư trong phạm vi cả nước.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư đối với lĩnh vực được phân công.

4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn theo phân cấp của Chính phủ.

Điều 82. Quản lý đầu tư theo quy hoạch

1. Chính phủ quy định về tổ chức lập, trình duyệt các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Dự án đầu tư phải tuân thủ quy hoạch kết cấu hạ tầng - kỹ thuật, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác.

Quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm phải phù hợp với lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đầu tư có điều kiện và lĩnh vực cấm đầu tư quy định tại các điều 27, 28, 29 và 30 của Luật này và là định hướng để nhà đầu tư lựa chọn, quyết định đầu tư.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch có trách nhiệm công bố công khai các quy hoạch liên quan đến hoạt động đầu tư trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Đối với dự án đầu tư chưa có trong các quy hoạch quy định tại Điều này, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có trách nhiệm làm đầu mối làm việc với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch để trả lời cho nhà đầu tư trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhà đầu tư có yêu cầu.

Điều 83. Xúc tiến đầu tư

1. Hoạt động xúc tiến đầu tư của các cơ quan nhà nước các cấp được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Kinh phí cho hoạt động xúc tiến đầu tư của các cơ quan nhà nước được cấp từ ngân sách nhà nước.

Điều 84. Theo dõi, đánh giá hoạt động đầu tư

1. Cơ quan nhà nước quản lý về đầu tư các cấp tổ chức việc theo dõi, đánh giá và báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung theo dõi, đánh giá đầu tư bao gồm:

a) Việc ban hành văn bản hướng dẫn pháp luật theo thẩm quyền và thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của Giấy chứng nhận đầu tư;

c) Kết quả thực hiện đầu tư của cả nước, các bộ, ngành và các địa phương, các dự án đầu tư theo phân cấp;

d) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp trên về kết quả đánh giá đầu tư, kiến nghị các biện pháp xử lý những vướng mắc và vi phạm pháp luật về đầu tư.

Điều 85. Thanh tra về hoạt động đầu tư

1. Thanh tra đầu tư có các nhiệm vụ sau đây:

a) Thanh tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về đầu tư;

b) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm

pháp luật về đầu tư;

c) Xác minh, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về đầu tư.

2. Tổ chức và hoạt động của thanh tra đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 86. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện

1. Cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo và khởi kiện; tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật. Việc khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong hoạt động đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện, tổ chức, cá nhân vẫn phải thi hành quyết định hành chính của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đầu tư. Khi có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đầu tư hoặc quyết định, bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì thi hành theo quyết định, bản án đó.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đầu tư các cấp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của mình; trong trường hợp nhận được khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền của mình thì có trách nhiệm chuyển kịp thời đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, tố cáo biết.

Điều 87. Xử lý vi phạm

1. Người có hành vi vi phạm Luật này và các quy định

khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động đầu tư thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở hoạt động đầu tư; có hành vi sách nhiễu, gây phiền hà đối với nhà đầu tư; không giải quyết kịp thời yêu cầu của nhà đầu tư theo quy định; không thực thi các công vụ khác do pháp luật quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 88. Áp dụng pháp luật đối với các dự án đang thực hiện đầu tư trước khi Luật này có hiệu lực

1. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước khi Luật này có hiệu lực không phải làm thủ tục để cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư.

Trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký đầu tư lại theo quy định của Luật đầu tư thì thực hiện thủ tục đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư mới.

2. Dự án đầu tư trong nước đã thực hiện trước khi Luật này có hiệu lực không phải làm thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư; trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì đăng ký tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có thẩm quyền.

Điều 89. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

Luật này thay thế Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài năm 2000 và Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
NGUYỄN VĂN AN (Đã ký)

ORDINANCE NO. 32/2005/L/CTN DECEMBER 12, 2005 OF PRESIDENT
On promulgation of Law

PRESIDENT
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Pursuant to the Article 103 and Article 106 of the 1992 Constitution of the Socialist Republic of Vietnam as amended and added to by Resolution No. 51/2001/QH10 passed by Legislature X of the National Assembly at its 10th Session on 25 December 2001;

Pursuant to Article 91 of the Law on organization of National Assembly;

Pursuant to Article 50 of the Law on promulgation of legal documents,

HEREBY PROMULGATES

The Investment Law

Which was passed on November 29, 2005 by the XIth National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam at its 8th session.

PRESIDENT
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Signed: **TRAN DUC LUONG**

**LAW ON INVESTMENT NO. 59/2005/QH11 NOVEMBER 29, 2005
OF NATIONAL ASSEMBLY SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
(This Law shall be of full force and effect as of July 01, 2006)**

Pursuant to the 1992 Constitution of the Socialist Republic of Vietnam as amended and added to by Resolution No. 51/2001/QH10 passed by Legislature X of the National Assembly at its 10th Session on 25 December 2001;

This Law governs investment activities.

**Chapter I
GENERAL PROVISIONS**

Article 1. Scope of governance

This Law governs investment activities for the commercial purpose; rights and obligations of investors; guarantee of legitimate rights and interests of investors; investment encouragement and incentive; stage management on investment in Vietnam and Vietnamese investment to foreign countries.

Article 2. Subjects of application

1. Domestic and foreign investors who implement investment activities in the Vietnamese territory and Vietnamese investment to foreign countries
2. Organizations, individuals engaged in investment activities.

Article 3. Interpretation of terms and phrases

In this Law, the following terms shall have the meanings ascribed to them hereunder:

1. *Investment* means the bringing of capital in the form of tangible or intangible assets by investors to form the assets for carrying on investment activities in accordance with the provisions of this Law and other provisions of the related laws.

2. *Direct investment* means a form of investment where the investor brings in capital and participates in managing the investment activities.

3. *Indirect investment* means a form of investment via the acquisition of shares, stocks, bonds, other valuable documents, securities investment fund and via other intermediary financial institutions of which investors do not directly participate in the investment activities management.

4. *Investor* means organization, individual carrying on investment activities in accordance with the provisions of Vietnamese law, including:

a) Enterprises of economic sectors established under the Enterprise Law;

b) Co-operatives, union of co-operatives established under the Co-operative Law;

c) Enterprises with foreign invested capital established before the coming into force of this Law;

d) Business households, individuals;

e) Foreign organizations, individuals; Vietnamese people living abroad; foreign people residing permanently in Vietnam;

f) Other organizations in accordance with the provisions of the Vietnames law.

5. *Foreign investor* means foreign organization, individual who brings in capital to conduct investment activities in Vietnam.

6. *Enterprises with foreign invested capital* include enterprise established by foreign investors to implement investment activities in Vietnam; Vietnamese enterprise of which the foreign investors buy share, make merge or acquisition.

7. *Investment activities* means activities undertaken by investors during the investment period including the stages of investment preparation, implementation and investment project management.

8. *Investment project* means a set of proposals to contribute medium and long term capital in order to carry out investment activities in a specific location, in a defined time period.

9. *Investment capital* means money and other lawful assets used to implement investment activities under the form of direct or indirect investment.

10. *State capital* means development investment capital from state budget, credit loan guaranteed by the State, credit funds for development investment of the State and other investment capital of the State.

11. *Project owner* means organizations, individuals who own capital or people who represent the owner or borrow

capital and directly manage, use capital to carry on investment activities.

12. *Foreign investment* means the bringing of capital into Vietnam in the form of money or other lawful assets by foreign investors for the purpose of carrying on investment activities.

13. *Domestic investment* means the provision of capital in the form of money and other lawful assets by domestic investors for the purpose of carrying on investment activities in Vietnam.

14. *Overseas investment* means the bringing of capital in the form of money and other lawful assets from Vietnam to abroad for the purpose of carrying on investment activities.

15. *Conditional investment sectors* means sectors in which investment will only be permitted if meeting specific conditions stipulated by the law.

16. *Business co-operation contract* (hereinafter referred as to BCC) means an investment concluded between investors for the purpose of carrying on business co-operation, profits and products sharing without creating a legal entity.

17. *Build-Operate-Transfer contract* (hereinafter referred as to BOT) means an investment concluded between an authorized State body and investors for the construction, commercial operation of an infrastructure facility for a fixed duration; upon expiry of the duration, investors shall, without compensation, transfer the facility to the State of Vietnam.

18. *Build - Transfer - Operate contract* (hereinafter referred as to BTO) means an investment concluded between

an authorized State body and investors for the construction of an infrastructure facility; upon the completion of construction, investors shall transfer the facility to the State of Vietnam; the Government shall grant investors the right to operate commercially the facility for a fixed duration in order to recover the invested capital and gain profits.

19. *Build - Transfer contract* (hereinafter referred as to BT) means an investment concluded between an authorized State body and investors for the construction of an infrastructure facility; upon completion of construction, investors shall transfer the facility to the State of Vietnam; the Government shall create conditions for investors to implement other projects in order to recover the invested capital and gain profits or make payment to investors in accordance with the agreements stated in the BT contract.

20. *Industrial zone* means a zone specializing in the production of industrial goods and the performance of services for industrial production with specified boundaries, established by the regulations of the Government.

21. *Export processing zone* means an industrial zone specializing in the production of export goods, the performance of services for the production of export goods and export activities with specified boundaries, established by the regulations of the Government.

22. *Hi-tech zone* means a zone specializing in the research and development, application of high technology, nursing high-tech enterprises, training high-tech manpower, production and trade of high-tech with specified boundaries,

established by the regulations of the Government.

23. *Economic zone* means an area with a separate economic milieu and investment and business environment which offers special advantages to investors, having specified boundaries and being established by the regulations of the Government.

Article 4. Investment policies

1. Investors are entitled to make investments in sectors and industries, branches which are not banned by the law; have right to autonomy and decision over investment activities in compliance with the law of Vietnam.

2. The State treats investors of all economic sectors equally before the law, between domestic and foreign investment; encourages and creates favorable conditions for investment activities.

3. The State recognizes and protects property ownership right, investment capital, profits and other legitimate rights and interests of investors; acknowledges the existence and long term development of investment activities.

4. The State engages to undertake investment-related international treaties of which the Socialist Republic of Vietnam is a member.

5. The State make encouragements and grants preferential policies with regard to investment in sectors, regions of investment encouragement.

Article 5. Application of investment law, international treaties, foreign laws and international investment practices

1. Investment activities of investors in the territory of Vietnam must abide by the provisions of this Law and other provisions of the relevant laws.

2. In the case of specialized investment activities as prescribed in another law, the provisions of such law shall apply.

3. Where an international treaty to which the Socialist Republic of Vietnam is a member contains provisions which are inconsistent with the provisions of this Law, then the provisions of such international treaty shall apply.

4. For foreign investment activities, where the provisions are yet to be stipulated by the Vietnam law, parties may agree in the contract to apply foreign law and international investment practices if the application thereof is not contrary to the fundamental principles of the law of Vietnam.

Chapter II
INVESTMENT GUARANTEE

Article 6. Guarantee of capital and assets

1. Investment capital and lawful assets of investor shall not be nationalized, requisitioned by administrative measures.

2. In very special cases due to national defense, security and national interests, the State shall buy, requisition investors assets, then investors shall have their assets sold or

compensated according to the market price at time of announcement of buying, requisition by the Government.

The payment or compensation must ensure the lawful interests of investors and non-discrimination between investors.

3. For foreign investors, the assets payment or compensation stated at term 2 of this Article are made by freely converted currency and can be transferred abroad.

4. Method and conditions of Government buying and requisition shall be in accordance with the provisions of the law.

Article 7. Protection of intellectual property right

The State shall protect intellectual property rights in investment activities; guarantee legitimate interests of foreign investors in respect of technology transfers in Vietnam in accordance with the law on intellectual property and other provisions of the relevant laws.

Article 8. Opening of trade-related market and investment

In order to conform to the provisions of international treaties of which the Socialist Republic of Vietnam is a member, the State engages to undertake the following provisions with regard to foreign investors:

1. Open the market for investment according to the committed schedule;

2. Not to oblige investors to undertake the following requests:

- a) Give priority to purchase, use the locally produced goods, services or have to purchase goods, services from a given producer or supplier in the country;
- b) Export goods and services at a certain percentage; limit the export, production or supply of goods and services in terms of quantity, value, kind;
- c) Import goods with the quantity and value equivalent to those of goods exported or balance the foreign currency from export sources to meet the import requirements;
- d) Reach a certain ratio of localization for the goods produced;
- e) Reach a certain level or value in research and development activities;
- f) Supply goods, services at a certain location in the country or abroad;
- g) Have head office at a specific place.

Article 9. Transfer capital, assets abroad

1. After fulfilling all financial obligations towards the State of Vietnam, foreign investors can transfer abroad the following items:
 - a) Profits derived from business operation;
 - b) Payments received from the provision of technology, services, intellectual property;
 - c) Principal and interest on foreign loan;
 - d) Invested capital, sums of money from investment liquidation;

e) Other sums of money and assets lawfully owned of investors.

2. Foreigners working in Vietnam for investment projects shall be permitted to transfer abroad their lawful incomes after fulfilling all financial obligations with regard to the State of Vietnam.

3. Transfer abroad of the above items shall be made in freely converted currency based on the exchange rate published at a commercial bank chosen by investors.

4. Procedures for transferring abroad the sums of money relating to investment activities abide by the provisions of the law on foreign exchange management.

Article 10. Application of unified price, fee

During the course of investment in Vietnam, investors can enjoy unified price, fee, charges with regard to state-controlled fee goods, services.

Article 11. Investment guarantee in case of change of law, policy

1. In case the law, policy that are newly published provide higher interests and incentives than those being previously given to investors, investors can enjoy interests, incentives of the new provisions as from the coming into force of that law, policy.

2. In case the newly published law, policy have adverse effects on legitimate interests which investors have enjoyed before the coming into force of that law, policy, investors are entitled to enjoy incentives stipulated in the Investment

Certificate or is offered one or a number of following options for resolution:

- a) Continue to enjoy rights, incentive;
- b) Deduct loss from taxable income;
- c) Change operational objectives of the project;
- d) Be examined for compensation in necessary circumstances.

3. Based on the provisions of the laws and commitments in international treaties of which the Socialist Republic of Vietnam is a member, the Government shall make specific provisions on guarantee of interests of investors in the case where a change in laws or policies affects adversely the interests of investors.

Article 12. Dispute resolution

1. Any dispute relating to investment activities in Vietnam may be resolved by negotiation, conciliation; Arbitration or Court in accordance with the law.

2. Disputes between domestic investors or between a domestic investor and a State body of Vietnam relating to investment activities in the territory of Vietnam may be resolved by Vietnamese arbitration or Vietnamese court.

3. Disputes involving a foreign investor or foreign invested enterprise or between foreign investors may be resolved by one of the following bodies, organizations:

- a) Vietnamese court;
- b) Vietnamese arbitration;

c) Foreign arbitration;

d) International arbitration;

e) Arbitration established on the agreement of parties to disputes.

4. Disputes between a foreign investor and State administrative body of Vietnam relating to investment activities in the territory of Vietnam may be resolved by Vietnamese arbitration or Vietnamese court, except that other agreements are provided in a contract signed between a representative of a competent State body with the foreign investor or in an international treaty of which the Socialist Republic of Vietnam is a member.

Chapter III

RIGHTS AND OBLIGATIONS OF INVESTORS

Article 13. Self-control rights in investment and trade

1. Choose investment sectors, investment forms, capital mobilization modes, location, investment scale, investment partners and project duration.

2. Register one or many businesses, industries; establish enterprise in accordance with the law; have self-determination with regard to the registered investment, business.

Article 14. Rights to access to and utilize investment resources

1. Be equal in accessing to and using credit funds, assistance funds; utilizing land and natural resources in

accordance with the provisions of the law.

2. Lease or purchase equipment, machinery in Vietnam and from overseas to implement investment project.

3. Employ local labor; employ foreigners for the management position, technical workers, experts according to production and trading needs, except for the case where an international treaty to which the Socialist Republic of Vietnam is a member contains provisions which are inconsistent with the provisions of this Law, then the provisions of such international treaty shall apply.

Article 15. Rights to do export, import, advertising, marketing, processing and sub processing relating to investment activities

1. Import directly or delegate import of equipment, machinery, materials, raw materials and goods serving the investment activities; export and sell products directly or through an agent.

2. Advertise, marketing their products, services and directly sign advertisement contract with agencies licensed to operate.

3. Perform processing activities, sub-processing activities; order domestic enterprises to perform processing or sub-processing activities; order overseas enterprises to perform processing activities in accordance with the provisions of the law on commerce.

Article 16. Right to purchase foreign currency

1. Investors are permitted to purchase foreign currency at credit organizations authorized to trade in foreign currency in

order to conduct current transactions, capital transactions and other transactions in accordance with the provisions of the law on foreign exchange management.

2. The Government assures to maintain or assist in maintaining foreign currency balance with respect to important projects in the field of energy, transportation infrastructure, and waste treatment.

Article 17. Rights to assign, adjust capital or investment project

1. Investors have the right to assign, adjust capital or investment project. Where profits arise from the assignment, the assignor must pay income tax in accordance with the provision of the tax law.

2. The Government regulates conditions for assignment, adjustment of capital and investment project for the cases where conditions are compulsory.

Article 18. Mortgage of land use right, assets attached to land

Investors that have investment projects are allowed to mortgage the land use right and assets attached to land at credit organizations authorized to operate in Vietnam for the purpose of borrowing loan for the implementation of project in accordance with the provisions of the law.

Article 19. Other rights of investors

1. To enjoy investment incentives stipulated in this Law and other provisions of the relevant laws.

2. To have access to, make use of public services on the basis of non-discrimination principles.

3. To have access to legal documents, policies relating to investment; data of national economy, of each sector of economy and other socio-economic information relating to investment activities; to contribute ideas to investment-related laws and policies.

4. To lodge a complaint, denunciation or initiate legal actions against organizations, individuals who commit acts of violating the investment law in accordance with the provisions of the law.

5. Perform other rights in accordance with the provisions of the law.

Article 20. Obligations of investors

1. To comply with the provisions of the law on investment procedures; carry on investment activities in conformity with the contents registered and stipulated in Investment Certificate.

Investor must bear responsibility for the accuracy, honesty of the registered investment contents, investment project file and the legality of certified documents.

2. Fulfill financial obligations in accordance with the law.

3. Implement the provisions of the law on accounting, auditing and statistics.

4. Fulfill the obligations in accordance with the law on insurance, labor; respect the honour, dignity and ensure legal

rights of workers.

5. Respect, create favorable conditions for workers to establish, participate in political organizations, socio-politico organizations.

6. Execute the provisions of the law on environment protection.

7. Perform other obligations in accordance with the provisions of the law.

Chapter IV

FORMS OF INVESTMENT

Article 21. Forms of direct investment

1. Establish an economic organization with 100% capital of domestic investor or 100% capital of foreign investor.

2. Establish an economic organization under the form of joint venture between domestic investors and foreign investors.

3. Make an investment in the form of BCC contract, BOT contract, BTO contract, BT contract.

4. Business development investment.

5. Buy share or contribute capital to participate in managing investment activities.

6. Invest in making merge and acquisition of enterprises.

7. Other forms of direct investment.

Article 22. Invest in establishing economic organizations

1. Based on the investment forms stipulated at Article 21 of this Law, investors are allowed to invest in establishing the following economic organizations:

a) Enterprise established and operated under the Enterprise Law;

b) Credit organization, insurance enterprise, investment fund and other financial organizations in accordance with the provisions of the law;

c) Establishments of health services, education, science, culture, sport and other service establishments for the profit-making investment;

d) Other economic organizations in accordance with the provisions of the law.

2. In addition to the economic organizations stated at term 1 of this Article, domestic investors are entitled to establish co-operatives, union of co-operatives which are organized and operated under the law on co-operative; business households in accordance with the provisions of the law.

Article 23. Contract-based investment

1. Investors are entitled to sign BCC contract for the purpose of co-operating in production, profits sharing, products sharing and other forms of business co-operation.

Subjects, co-operation contents, business duration, rights, obligations, responsibilities of each party, co-operation

relation between parties and the organization and management shall be agreed by parties and stated in the contract.

The BCC contract in the field of discovery, exploration and exploitation of oil and gas and a number of other natural resources under the form of products sharing contract shall be in accordance with the provisions of this Law and other provisions of the relevant laws.

2. BOT, BTO and BT contract signed between investors and State competent body for the purpose of carrying on projects of new construction, expansion, modernization and operation of infrastructure facilities in the field of transportation, electricity production and commercialization, water supply, waste treatment and other fields shall be regulated by the Prime Minister.

The Government provides regulations on investment sectors, conditions, orders, procedures and methods for carrying on investment projects; rights and obligations of parties to investment project under the form of BOT, BTO and BT contract.

Article 24. Business development investment

Investors are allowed to invest in business development in the following forms:

1. Expansion of scale, enhancement of capacity, business ability;
2. Innovation of technology, improvement of product quality, reduction of environmental pollution.

Article 25. Capital contribution, share buying, merge and acquisition

1. Investors are entitled to contribute capital to, buy share of companies, branches in Vietnam.

Rate of capital contribution, share acquisition of foreign investors with regard to a number of sectors, industries are stipulated by the Government.

2. Investors are entitled to make merge and acquisition of companies, branches.

Conditions for merge, acquisition of companies, branches must comply with the provisions of this Law, the competition law and other provisions of the relevant laws.

Article 26. Indirect investment

1. Investors can have the following forms of indirect investment in Vietnam:

- a) Buy shares, stocks, bonds and other valuable documents;
- b) Make investment via securities investment fund;
- c) Make investment via other financial intermediary institutions.

2. Investment of organizations, individuals via buying, selling shares, stocks, bonds and other valuable documents and procedures of indirect investment must comply with the provisions of the law on securities and other provisions of the relevant laws.

Chapter V
SECTORS AND LOCATIONS OF INVESTMENT,
INVESTMENT INCENTIVES AND ASSISTANCE

Session 1
SECTORS, LOCATIONS OF INVESTMENT

Article 27. Sectors of investment incentives

1. Production of new materials, new energy; production of hi-tech products, biology technology products, information technology products; manufacturing mechanics.

2. Animal husbandry, farming and processing of agricultural produces, forestry and aquaculture; making salt; production of artificial breed, new breed of crop plant and domestic animal.

3. Utilization of high technology, modern techniques; protection of ecological environment; research and development and nursing of high technology.

4. Labor intensive activities.

5. Construction and development of infrastructure facilities, important projects, big scale projects.

6. Development of education, health, physical training and sport and national culture.

7. Development of traditional professions.

8. Other sectors of production, services which need to be encouraged.

Article 28. Regions of investment incentives

1. Regions with difficult economic-socio conditions, regions with specially difficult economic-socio conditions.

2. Industrial zone, export processing zone, hi-tech zone, economic zone.

Article 29. Conditional sectors of investment

1. Conditional sectors of investment include:

a) Sectors impacting on national defense, national security, social order and safety;

b) Financial, banking sectors;

c) Sectors impacting on public health;

d) Culture, information, the press and publishing;

e) Entertainment services;

f) Real estate business;

g) Survey, prospecting, exploration, mining of natural resources, ecological environment;

h) Development of education and training;

i) A number of other sectors in accordance with the provisions of the law.

2. For foreign investors, in addition to the sectors stated at term 1 of this Article, conditional sectors of investment include also sectors of investment which are subject to schedule of undertakings implementation under international treaties of which the Socialist Republic of Vietnam is a member.

3. For enterprises with foreign invested capital that have invested in non-conditional sectors which, during the course of operation, are added to the list of conditional sectors of investment, then investors of these enterprises are entitled to continue operating in those sectors.

4. Foreign investors are entitled to enjoy the same investment conditions as domestic investors in case Vietnamese investors own over 51% of charter capital of enterprise.

5. Based on the requirements for socio-economic development in each period and consistent with the undertakings in international treaties of which Vietnam is a member country, the Government issues the List of conditional investment sectors, conditions relating to establishment of economic organization, forms of investment, opening of sectors to foreign investors.

Article 30. Prohibited sectors of investment

1. Projects which impact adversely on national defense, security and public interests.

2. Projects which impact adversely on historical heritage, culture, ethics, fine custom of Vietnam.

3. Projects which impact adversely on people health, damage natural resources and environment.

4. Projects which treat noxious waste brought into Vietnam from outside; produce harmful chemicals or agents which are banned by international treaties.

Article 31. Publication of the list of sectors, regions of investment encouragement, list of conditional investment sectors

1. Based on planning and orientation for socio-economic development in each period and undertakings in international treaties of which the Socialist Republic of Vietnam is a member, the Government issues or amends, supplements the List of encouraged investment sectors, the List of conditional investment sectors, the List of prohibited investment sectors, the List of encouraged investment regions.

2. Ministries, ministerial level bodies, People's committees of provinces and cities under central authority (hereinafter referred as to provincial People's committees) are not allowed to issue regulations on prohibited investment sectors, conditional investment sectors and other investment incentives beyond the regulation framework of the law.

Session 2

INVESTMENT INCENTIVES

Article 32. Subjects and conditions of investment incentives

1. Investors that have investment project in sectors and regions of investment incentives as stipulated at Articles 27 and 28 of this Law are entitled to incentives in accordance with the provisions of this Law and other provisions of the relevant laws.

2. The investment encouragement as stipulated at term 1 of this Article applie also to new investment project and

existing investment project when expanding the scale, increasing the capacity and business ability, innovating technology, enhancing product quality, reducing environmental pollution.

Article 33. Tax incentives

1. Investors that have investment project belonging to subjects stated at Article 32 of this Law can enjoy preferential tax rate, the duration of preferential tax rate, period of exemption from and reduction of tax in accordance with the provisions of the tax law.

2. Investors are entitled to tax incentives for the earnings derived from contributing capital to, buying share of economic organizations in accordance with the tax law after those economic organizations have completed payment of corporate income tax.

3. Investors are exempted from import duty for equipment, machinery, means of transportation and other goods for the purpose of implementing the investment project in Vietnam in accordance with the provisions of the Law on import, export.

4. Earnings derived from the technology transfer with respect to projects subject to investment incentives are exempted from income tax in accordance with the tax law.

Article 34. Loss transfer

After payment of tax with the tax body, losses incurred by investor may be carried forward to the following year and set off against the taxable income in accordance with the Law on corporate income tax. The maximum of time for loss

transfer is five years.

Article 35. Depreciation of fixed assets

Investment projects in encouraged investment sectors, regions, and effective business projects are entitled to apply the accelerated depreciation with respect to the fixed assets; the maximum depreciation rate is double that applicable to fixed assets.

Article 36. Incentive on land utilization

1. The land use duration for investment project does not exceed fifty years; for the projects which have require big investment capital and long time for capital recovery, investment projects in regions with difficult socio-economic conditions and regions with specially difficult socio-economic conditions which need more time, duration for land allocation, land lease shall not exceed seventy years.

Upon the expiry of land use duration, if investors comply with the land law and need to continue using land, the State competent body shall then consider to extend the land use duration in accordance with the approved land use planning.

2. Investors of investment projects in encouraged sectors and regions are eligible for exemption from and reduction of land lease fee, land use fee, land use tax in accordance with the provisions of the land law and tax law.

Article 37. Incentives with regard to investors investing in industrial zone, export processing zone, hi-tech zone, economic zone

Based on conditions for socio-economic development in

each period and the principles stated in this Law, the Government stipulates the provisions on incentives with regard to investors investing in industrial zone, export processing zone, hi-tech zone, economic zone.

Article 38. Procedures for implementing investment incentives

1. For domestic projects not subject to investment registration and projects subject to investment registration stated in Article 45 of this Law, investors base on incentives and conditions of incentives in accordance with the provisions of the law in order to determine themselves the incentives and conduct the procedures for investment incentives at the State administrative body for investment.

In case investors request the recording of investment incentives, they must conduct the procedures for investment registration so that incentives are recorded in Investment Certificate by the State administrative body for investment.

2. For domestic projects which are subject to investment appraisal stated in Article 47 of this Law and meet the conditions for benefit of incentives, the State administrative body for investment shall register investment incentives in the Investment Certificate.

3. For the foreign invested projects that meet conditions for enjoying investment incentives, the State administrative body for investment shall record incentives in the Investment Certificate.

Article 39. Extension of incentives

When it's necessary to encourage the development of a very important industry or a region, a special economic sector, the Government shall propose the National Assembly to examine, decide on investment incentives other than those stipulated in this Law.

Session 3

INVESTMENT ASSISTANCE

Article 40. Assistance for technology transfer

1. The State shall create favorable conditions and ensure rights, legitimate interests of parties to technology transfer, including the capital contribution by technology for the purpose of carrying on investment projects in Vietnam in accordance with the provisions of the law on technology transfer.

2. The State encourages the transfer of advanced technologies into Vietnam, sources technologies and technologies for creating new products, enhancing production capacity, competitive capacity, product quality, efficiently saving and using raw materials, fuels, energies, natural resources.

Article 41. Assistance in training

1. The State encourages to establish assistance fund for human resource training from the contributed capital and sponsors of domestic and foreign organizations and individuals.

Training expense incurred by enterprises is considered as reasonable expense for determining taxable income.

2. The State makes use of budget source to assist in training workers of enterprises through training assistance programs.

Article 42. Assistance and encouragement for investment development services

The State encourages and assists organizations, individuals in carrying out the following services of investment development:

1. Investment consultancy, management consultancy;
2. Intellectual property consultancy, technology transfer consultancy;
3. Training, technical and skill management education;
4. Provision of market information, technical-scientific information, technology and socio-economic information which investors may need;
5. Marketing, promotion of investment and trade;
6. Establishment, participation in social organizations, socio-professional organizations;
7. Establishment of design centers, experiment centers to provide development assistance to small and medium size enterprises.

Article 43. Investment in infrastructure facilities of industrial zone, export processing zone, hi-tech zone, economic zone

1. Based on Government's approved master plan of industrial zone, export processing zone, hi-tech zone, economic

zone, ministries, ministerial level bodies and provincial People's committees shall formulate investment plan and organize the construction of systems of technical infrastructure and social infrastructure outside the barrier of industrial zone, export processing zone, hi-tech zone, economic zone under their scope of management.

2. For a number of regions with difficult socio-economic conditions and regions with specially difficult socio-economic conditions, the State shall provide a part of funds to the regions which, together with investors, invest in developing the systems of infrastructure in industrial zone, export processing zone in accordance with the provisions of the Government.

3. The State shall make use of investment capital from budget and preferential credit to assist in developing technical infrastructure facilities and social infrastructure in hi-tech zone, economic zone and apply a number of capital mobilization modes to develop the infrastructure facilities for hi-tech zone, economic zone.

Article 44. Exit and entry visas

Investors undertaking investment activities, foreign experts and technicians working permanently for investment projects in Vietnam and their family members are granted multi-entry, multi-exit visas. The maximum duration of visas is five year for each issuance.

Chapter VI

DIRECT INVESTMENT ACTIVITIES

Session 1

INVESTMENT PROCEDURES

Article 45. Registration procedures for domestic investment project

1. For domestic investment projects with invested capital below VND 15 billion which are not in conditional sectors, investors are not required to conduct procedures for investment registration.

2. For domestic investment projects with invested capital from VND 15-30 billion which are not in conditional sectors, investors are required to conduct investment registration procedures on sample form at provincial State administrative body for investment.

In case investors request the issuance of Investment Certificate, the provincial State administrative body for investment shall issue the Investment Certificate.

3. Application file for investment registration include:

- a) Legal status of investors;
- b) Objectives, scale and location for investment project implementation;
- c) Investment capital, project implementation schedule;
- d) Requirement for land use and commitment on environmental protection;

e) Request for investment incentives (if any).

4. Investors conduct investment registration procedures prior to implementation of investment project.

Article 46. Investment registration procedures for foreign invested projects

1. For projects of foreign invested capital with invested capital below VND 300 billion which are not in conditional sectors, investors shall conduct investment registration procedures at provincial State administrative body for investment to obtain Investment Certificate.

2. Application file for investment registration includes:

a) Documents containing the items stated at term 3 Article 45 of this Law;

b) Financial records of investors;

c) Joint venture or BCC contract, charter of enterprise (if any).

3. The provincial State administrative body for investment shall issue Investment Certificate within 15 days from the date of receipt of a valid file for investment registration.

Article 47. Investment project appraisal

1. For domestic investment projects, projects of foreign invested capital with invested capital of VND 300 billion or more and projects of conditional sectors, procedures for investment appraisal are required for issuing Investment Certificate.

2. The time-limit for investment appraisal does not exceed 30 days from the date of receipt of a valid file; in necessary cases, the time-limit may be longer but not exceeding 45 days.

3. For projects of national importance, the National Assembly shall decide on investment policies and project criteria, the Government stipulates order, appraisal procedures and issue Investment Certificate.

4. The Government delegates the appraisal and issuance of Investment Certificate.

Article 48. Appraisal procedures for projects with invested capital of VND 300 billion and more which are not in conditional sectors

1. The application file of project includes:

a) Letter requesting the issuance of Investment Certificate;

b) Documents certifying the legal status of investors;

c) Financial records of investors;

d) A technical-economic explanatory statement with contents such as objectives, investment locations, land use requirement, investment scale, investment capital, project implementation schedule, technological solution, environmental standards;

e) With regard to foreign investors, the document must include also joint venture or BCC contract, charter of enterprise (if any).

2. Items to be appraised:

a) Compliance with infrastructure and technical facilities, land use planning, construction planning, planning for utilization of minerals and other natural resources;

b) Land use requirement;

c) Project implementation schedule;

d) Environmental standards.

Article 49. Appraisal procedures for projects of conditional sectors

1. Appraisal procedures for projects with invested capital below VND 300 billion which are subject to conditional sectors are regulated as follows:

a) The appraisal application file includes explanatory statement of conditions which projects must satisfy; items for investment registration stated at term 3 Article 45 of this Law with respect to domestic projects or term 2 Article 46 of this Law with respect to projects of foreign invested capital;

b) Items to be appraised include project's satisfaction of conditions.

2. Appraisal procedures for projects with invested capital of VND 300 billion and more which are subject to conditional sectors are regulated as follows:

a) The application file of project includes explanatory statement of conditions which projects must satisfy; items for appraisal project file stipulated at term 1 Article 48 of this Law.

b) Items for appraisal include conditions which projects must satisfy and items stated at term 2 Article 48 of this Law.

Article 50. Investment procedures associated with establishment of an economic organization

1. When foreign investors first invest, they must have an investment project and conduct investment registration procedures or investment appraisal procedures at the State administrative body for investment in order to obtain Investment Certificate. The Investment Certificate will also acts as business registration Certificate.

2. Economic organizations with foreign invested capital established in Vietnam, when having new investment project have only to conduct procedures for implementation of that project without the need to establish a new economic organization.

3. Domestic investors that have an investment project associated with the establishment of economic organization shall conduct the business registration procedures in accordance with the provisions of the Enterprise Law, the relevant laws and the investment procedures in accordance with the provisions of this Law.

Article 51. Amendment of investment project

1. When amending the initial investment project with regard to objectives, scale, location, form, capital, project duration, investors shall conduct the following procedures:

a) For the project subject to investment registration, investors are free to decide on and register the amendment contents at provincial State administrative body within 10 days from the date of decision of amendment;

b) For the project subject to investment appraisal, investors submit documents requesting the amendment of investment project to State competent administrative body for investment.

The document application for project amendment includes items such as project implementation schedule, reason for amendment, changes compared with the evaluated contents.

2. State administrative body for investment shall inform investors the amendment of Investment Certificate within 15 days from date of receipt of complete and valid application file.

3. The amendment of Investment Certificate is in the form of admentment, supplement of items to Investment Certificate.

Article 52. Duration of projects of foreign invested capital

The duration of projects of foreign invested capital shall correspond with the operation requirement of project and shall not exceed 50 years; for necessary cases, the Government may decide on extension of project duration but not exceeding 70 years.

The project duration is recorded in Investment Certificate.

Article 53. Responsibility for establishing project, deciding investment, appraising investment

1. Investors are free to decide on investment project; responsible for accuracy, honesty of the registered contents, project application file and implementation of registered investment commitment.

2. Organizations, individuals who are authorized to establish project, decide investment, appraise and certify investment are accountable before the law with regard to their suggestion and decision.

Article 54. Selection of investors for projects of interest of many investors

For important projects which have been specified in industry planning interest two investors and more, the selection of investors for the project implementation must be done by bid in accordance with the law on bidding.

Session 2

IMPLEMENTATION OF INVESTMENT PROJECT

Article 55. Lease and allocation of land for project implementation

1. For the projects requiring land use, investors shall address to the competent administrative body for land where the project is implemented to conduct procedures for land allocation or leasing.

Order, procedures of land allocation, leasing shall comply with the provisions of the land law.

2. In case investors do not implement the project in the prescribed time-limit on the allocated land or use land for other purpose, the land shall be withdrawn in accordance with the provisions of the land law and the Investment Certificate is also revoked.

Article 56. Site preparation

1. For the case where land is withdrawn by the State in accordance with the land law, the state competent body is responsible for land revocation, compensation, site clearance before leasing land to investors.

The land revocation and compensation, site clearance works are implemented in accordance with the provisions of the land law.

2. For the case investors sub-leases land from land user to whom the State has allocated, leased land, investors are responsible for carrying out compensation, site clearance works.

In case land users do not perform the duties as agreed between investors and land users with regard to compensation, site clearance, the People Committee of competent level where the investment project is implemented is responsible for organizing site clearance works prior to handing over land to investors in accordance with the law.

3. For investment projects which are in conformity with land use planning approved by State competent body, investors are allowed to accept land assignment, lease land use right, accept capital contribution in the form of land use

right of economic organizations, business households, individuals in accordance with the provisions of the land law without the need to conduct land revocation procedures.

Article 57. Project implementation involving the exploitation and utilization of natural resources, minerals

Investment projects involving exploitation, utilization of natural resources, minerals must comply with the provisions of the law on natural resources, minerals.

Article 58. Project implementation involving construction

1. For investment projects involving construction, the establishment, appraisal, approval of technical design, budget, general budget are implemented in accordance with the construction law.

2. Investors are responsible for quality of works and environmental protection.

Article 59. Assessment of machinery, equipment

Investors are responsible for assessment of value and quality of machinery, equipment imported to form fixed assets for the project implementation.

Article 60. Selling product in Vietnamese market

1. Investors sell directly or through agents products in Vietnam without restriction on areas for selling; are entitled to act as sales agent for other organizations, individuals having same kind of products manufactured in Vietnam.

2. Investors are free to decide the selling price of products services manufactured or supplied by them; in case products, services of which the State controls fee, the price shall be in line with priceframe published by State competent body.

Article 61. Bank account in foreign currency and in Vietnam dong

1. Investors are allowed to open bank account in foreign currency and in Vietnam dong at a bank authorized to operate in Vietnam. Investors can open bank account at an overseas bank provided that an approval of State Bank of Vietnam is obtained.

2. The opening, usage and closure of bank account at local and overseas banks must comply with the provisions of State Bank of Vietnam.

Article 62. Insurance

Investors take out assets insurance and other insurances on the basis of insurance policy signed with insurance company operating in Vietnam in accordance with the law on insurance.

Article 63. Lease of management agency

1. Investors are allowed to engage a management agency to manage the investment and business operation of the project with regard to sectors requiring management skills at specialized and high level.

2. Investors are responsible for the entire activities of the management agency before the law of Vietnam for matters relating to management activities stated in the contract.

3. The management agency is responsible to the investors for managing investment and business operation of the project; must respect the law of Vietnam in the course of implementation of its rights and obligations according to the provisions of the contract; responsible to the law of Vietnam for its activities beyond the scope of contract.

Article 64. Temporary cease of project, withdrawal of Investment Certificate

1. In case of temporary cease of investment project, investors must inform State administrative for investment to obtain an attestation serving as a basis for examination of exemption from and reduction of land lease fee for the time of project's temporary cease.

2. If, after 12 months of obtainment of Investment Certificate for the project, investors do not carry out or fail to implement the project according to committed schedule without legitimate reasons, their Investment Certificate shall be revoked.

Article 65. Termination of investment project

The termination of investment project is performed when one of the following events occur:

1. Upon expiry of duration of operation as stipulated in the Investment Certificate;

2. In accordance with the conditions of termination as stipulated in the contract, charter of the enterprise or agreement, undertakings of investors about the project implementation schedule;

Article 69. State investment in activities of public interest

1. The State invests in production and supply of products, services of public interest through the allocation of target, procurement of goods or tendering.

2. Organizations, individuals of all economic sectors are equal in participation in production and supply of product and services of public interests, except for special cases which shall be stipulated by the Government.

The Government issues support policies with respect to activities of public interest and the list of products, services of public interest.

Article 70. Investment of development investment credit fund of the State

1. Subjects for using development investment credit fund of the State are investment projects belonging to a number of important industries, sectors, big economic programs with socio-economic efficiency and loan repayment capacity.

Projects which use development investment credit fund of the State must have their financial plans and loan repayment plans appraised and approved by the creditor prior to deciding the investment.

2. The Government shall provide detailed policies for investment support from development investment credit source of the State, publish the list of subjects entitled to borrow loan and credit conditions in each period.

Article 71. Organizations, individuals who are assigned the management of projects using state capital

Organizations, individuals who are assigned the representation of ownership of state capital are responsible for preservation, development and effective use of capital.

Organizations, individuals who are direct representatives of state capital ownership, represents the State share at enterprises must perform duties and activities in accordance with the provisions of the law on management, use of state capital and Enterprise Law.

Article 72. Change of contents, postponement, suspension and annulment of investment project

1. In case of change of contents of investment projects, investors must explain the reasons and the contents of change and submit them to the State competent body for investment for their examination and decision; if the projects are in course of implementation, investors must present the report on the projects.

2. After the State competent body approves in writing the contents of changes, investors are allowed to establish, organize the appraisal and submit the projects for approval in accordance with the provisions.

3. Investment projects shall be postponed, suspended or annulled in the following cases:

a) After 12 months from the date of deciding the investment, investors do not carry out the projects without the written approval of the competent body;

b) Change the project's objectives without the written approval of competent body.

4. The competent body shall decide the postponement, suspension or annulment of investment projects must define the reasons and be responsible to the law for their decisions.

Article 73. Selection of contractors for the project implementation

Investment projects using the state capital must be tendered to select contractors for supplying consultancy services, purchasing goods, construction works for the projects in accordance with the law on tendering.

Chapter VIII OVERSEAS INVESTMENT

Article 74. Overseas investment

1. Investors are allowed to invest abroad in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the host project country.

2. The State shall create favorable conditions with regard to investment abroad and protect the legitimate interests of Vietnamese investors in foreign countries in accordance with the international treaties of which the Socialist Republic of Vietnam is a member country.

3. The State shall create favorable conditions for investors to access to credit loans on the basis of equality, non-discrimination between economic sectors; guarantee loan borrowings for offshore investment projects in especially encouraged sectors.

Article 75. Sectors in which overseas investment is encouraged or banned

1. The State of Vietnam encourages the economic organizations established in Vietnam to invest abroad with regard to sectors of labor intensive exports; to develop traditional industries, professions; to expand the market, exploit the natural resources of the countries where the investment is made; to increase the export and acquire foreign currency.

2. The State of Vietnam shall not grant offshore investment licence with regard to projects which impact adversely on national secret, national security, national defense and the Vietnam's history, culture, fine customs.

Article 76. Conditions for making overseas investment

1. To be eligible for offshore investment in the form of direct investment, investors must fulfil the following conditions:

- a) To have an overseas investment project;
- b) To fulfill financial obligations with respect to the State of Vietnam;
- c) To obtain an Investment Certificate issued by State administrative body for investment.

2. Overseas investment under the form of indirect investment must comply with the provisions of the law on banking, securities and the provisions of other related laws.

3. The use of state capital for overseas investment must comply with the provisions of the law on management and use of state capital.

Article 77. Rights of investor making overseas investment

1. To transfer abroad investment capital under the form of money and other lawful assets for the purpose of making investment in accordance with the provisions of the law on management of foreign exchange after getting the approval of the investment project from competent body of project hosting countries, territories.

2. To enjoy investment incentives in accordance with the law.

3. To employ and send Vietnamese workers to production and trading units established abroad by the investors.

Article 78. Obligations of overseas investors

1. To abide by the law of the host country of project.

2. To transfer home profits and earnings from overseas investment in accordance with the law.

3. To report periodically on finance and investment activities abroad.

4. To fulfill financial obligations with regard to the State of Vietnam.

5. To transfer home, upon termination of overseas investment, the whole of lawful capital and assets in accordance with the law provisions.

6. In case investors delay transferring home capital, assets, profits and earnings generated from overseas investment as stipulated at term 2 and 5 of this article, they must have approval of state competent body.

Article 79. Procedures for overseas investment

1. Overseas investment projects include:

a) Investment registration project is project with invested capital below VND 15 billion;

b) Investment evaluation project is project with invested capital of VND 15 billion and more.

2. Procedures for investment registration and evaluation are regulated as follow:

a) For investment registration project, investors conduct procedures in standard form at State administrative body for investment to obtain Investment Certificate;

b) For investment evaluation project, investors submit application file in standard form at State administrative body for investment for its evaluation and issuance of Investment Certificate.

The Government provides detailed regulations on sectors in which overseas investment is encouraged, banned or restricted; on investment conditions, preferential policies with respect to overseas investment; order, procedures and management of overseas investment.

Chapter IX

STATE MANAGEMENT OF INVESTMENT

Article 80. Scope of State management for investment

1. Developing strategies, master plans, plans and policies on investment development.

2. Promulgating and organizing the implementation regulations and law on investment.

3. Providing guidance, assistance to investors to implement their investment project and settle their difficulties, requirements.

4. Issuing, revoking Investment Certificate.

5. Assessing the investment performance, examining, inspecting and monitoring investment activities; solving complaints, denonciations, rewarding and settling breach relating to investment activities.

6. Organizing the training of human resources relating to investment activities.

7. Organizing the investment promotion.

Article 81. State responsibility for investment management

1. The Government shall uniformly carry out state management of investment in the whole country.

2. The Ministry of Planning and Investment is responsible to the Government for implementation of state management of investment activities.

3. Ministries, ministerial level bodies are responsible for carrying out the state management of investment within their authority with regard to the assigned tasks.

4. People's Committee of various levels are responsible for executing the state management of investment in their locations in accordance with the Government's delegation.

Article 82. Investment management according to planning

1. The Government provides regulations on formulation, submission for approval of plannings in accordance with the legislation on planning.

2. Investment projects must comply with infrastructure-technical facilities planning, land use planning, construction planning, planning for use of minerals and other natural resources.

Regional planning, industrial planning, products planning must be in accordance with investment incentive sectors, investment incentive location, investment conditional sectors and sectors in which investment is forbidden as stipulated at articles 27, 28, 29 and 30 of this Law and are considered as guidance for investors in their investment decision.

3. The competent State bodies for planning are responsible for making public announcement of planning relating to investment activities by media.

4. For investment projects which have not yet defined in the plannings stated at this Article, the State administrative bodies for investment are responsible for co-ordinating with the State competent body for planning in order to answer to the investors's requests within 30 days from the date of request.

Article 83. Investment promotion

1. Investment promotion activities of state administrative bodies at various levels are carried out in accordance with the Government's provisions.

2. The budget for investment promotion activities by state bodies is from the State budget.

Article 84. Supervision and evaluation of investment activities

1. The state administrative bodies of investment of various levels shall organize the supervision, evaluation and reporting of investment activities in accordance with the law.

2. The scope of investment supervision, evaluation includes:

a) The promulgation of legal documents in accordance with the delegated authority and the execution of provisions of the law on investment;

b) The situation of investment project implementation in accordance with the Investment Certificate;

c) The results of investment implementation of the whole country, ministries, industries and localities, investment projects delegated to various levels;

d) Report to state administrative bodies of investment of the same level or higher level the results of investment evaluation, suggest measures for solving difficulties and breaches in investment.

Article 85. Inspection of investment activities

1. Investment inspectors are in charge of the following tasks:

a) Inspecting the implementation of law, policies on investment;

b) Detecting, preventing and resolving in accordance with the delegated authority or suggesting the state competent bodies to resolve any breach of law on investment;

c) Conducting checks, suggesting the state competent bodies for resolving complaints, denunciations on investment.

2. Organization and operation of investment inspectors must comply with the provisions of the law on inspection.

Article 86. Complaints, denunciations and lawsuits

1. Individuals have the rights to lodge complaints, denunciations and initiate lawsuits; organizations have the rights to lodge complaints, initiate lawsuits in accordance with the law. The complaints, denunciations, lawsuits and the settlement thereof in investment activities shall be in accordance with the provisions of the law.

2. In the duration of complaints, denunciations or lawsuits, organizations, individuals shall have to execute administrative decisions of the State administrative body for investment. When decisions on resolution of complaints, denunciations are issued by the competent State administrative body for investment or decisions, judgements of courts takes legal effect, they have to abide by such decisions, judgements.

3. The competent State body for investment of all levels shall have to settle complaints, denunciations of organizations and individuals under their management; in case where they receive complaints and denunciations beyond their competence, they shall have to forward them to the competent bodies, organizations for settlement and notify such in writing to the complainants and denouncers.

Article 87. Handling of violations

1. Persons who commit acts of violating this Law and the other provisions of the laws relating to investment activities shall, depending on the nature and the seriousness of their violations, be disciplined, administratively handled or examined for penal liability; in case their violations cause damage, they shall have to make compensations in accordance with the law.

2. Persons who make corrupt use of position, authority to impede investment activities; have extortion and troublesome acts with regard to investors; fail to settle investors' requirements according to stipulated timing; fail to execute other assignments stipulated by the law shall, depending the nature and seriousness of their violation, be disciplined, administratively handled or examined for penal liability.

Chapter X

IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 88. Application of the law with regard to projects that have existed before this Law takes effect

1. Projects with foreign invested capital which have been granted Investment licence before the coming into force of this Law are not required to conduct registration procedures for Investment Certificate. In case investors need to conduct new registration procedures in accordance with the Investment Law, they shall conduct procedures to change for Investment Certificate.

2. Domestic investment projects which have been implemented before the coming into force of this Law are not subject to investment registration or evaluation procedures; in case investors need the issuance of Investment Certificate, they shall conduct registration procedures at the State competent administrative bodies for investment.

Article 89. Effect of implementation

This Law shall be of full force and effect as of July 01, 2006.

This Law replaces the Law on foreign investment in Vietnam 1996, the Law on the Amendment of and Addition to a number of Articles of the Law on Foreign Investment in 2000 and the Law on encouragement of domestic investment in 1998.

The Government shall make detailed provisions for the implementation of this Law.

This Law was passed on November 29, 2005 by the XIth National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam at its 8th session.

**CHAIRMAN OF NATIONAL ASSEMBLY
NGUYEN VAN AN**

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	5
Phần thứ nhất. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA	
LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2005	7
I/ GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2005	7
II/ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ	
NĂM 2005	8
III/ NHỮNG THUẬT NGỮ ĐƯỢC DÙNG TRONG LUẬT	
ĐẦU TƯ NĂM 2005.....	11
Phần thứ hai. LUẬT ĐẦU TƯ (29-11-2005).....	15
LỆNH SỐ 32/2005/L/CTN NGÀY 12-12-2005 CỦA CHỦ	
TỊCH NƯỚC VỀ VIỆC CÔNG BỐ LUẬT	15
LUẬT ĐẦU TƯ SỐ 59/2005/QH11 NGÀY 29-11-2005 CỦA	
QUỐC HỘI (CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01-07-2006).....	16
Chương I	
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	16
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	16
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	16
Điều 4. Chính sách về đầu tư.....	20
Điều 5. Áp dụng pháp luật đầu tư, điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài và tập quán đầu tư quốc tế.....	21
Chương II	
BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ	
Điều 6. Bảo đảm về vốn và tài sản	22
Điều 7. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.....	22

Điều 8. Mở cửa thị trường, đầu tư liên quan đến thương mại	23
Điều 9. Chuyển vốn, tài sản ra nước ngoài.....	24
Điều 10. Áp dụng giá, phí, lệ phí thống nhất.....	24
Điều 11. Bảo đảm đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật, chính sách.....	25
Điều 12. Giải quyết tranh chấp.....	25

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 13. Quyền tự chủ đầu tư, kinh doanh	26
Điều 14. Quyền tiếp cận, sử dụng nguồn lực đầu tư.....	27
Điều 15. Quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quảng cáo, tiếp thị, gia công và gia công lại liên quan đến hoạt động đầu tư.....	27
Điều 16. Quyền mua ngoại tệ	28
Điều 17. Quyền chuyển nhượng, điều chỉnh vốn hoặc dự án đầu tư.....	28
Điều 18. Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	28
Điều 19. Các quyền khác của nhà đầu tư.....	28
Điều 20. Nghĩa vụ của nhà đầu tư.....	29

Chương IV

HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

Điều 21. Các hình thức đầu tư trực tiếp.....	30
Điều 22. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.....	30

Điều 23. Đầu tư theo hợp đồng.....	31
Điều 24. Đầu tư phát triển kinh doanh	32
Điều 25. Góp vốn, mua cổ phần và sáp nhập, mua lại	32
Điều 26. Đầu tư gián tiếp	32

Chương V

LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN ĐẦU TƯ, ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Mục 1

LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN ĐẦU TƯ

Điều 27. Lĩnh vực ưu đãi đầu tư	33
Điều 28. Địa bàn ưu đãi đầu tư.....	34
Điều 29. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện	34
Điều 30. Lĩnh vực cấm đầu tư.....	35
Điều 31. Ban hành danh mục các lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư, đầu tư có điều kiện.....	36

Mục 2

ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 32. Đối tượng và điều kiện ưu đãi đầu tư	36
Điều 33. Ưu đãi về thuế.....	37
Điều 34. Chuyển lỗ.....	37
Điều 35. Khấu hao tài sản cố định.....	37
Điều 36. Ưu đãi về sử dụng đất.....	38
Điều 37. Ưu đãi đối với nhà đầu tư đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.....	38

Điều 38. Thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư	38
Điều 39. Trường hợp mở rộng ưu đãi	39

Mục 3

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 40. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ	39
Điều 41. Hỗ trợ đào tạo	40
Điều 42. Hỗ trợ và khuyến khích phát triển dịch vụ đầu tư.....	40
Điều 43. Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.....	41
Điều 44. Thị thực xuất cảnh, nhập cảnh	41

Chương VI

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP

Mục 1

THỦ TỤC ĐẦU TƯ

Điều 45. Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước.....	42
Điều 46. Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài	43
Điều 47. Thẩm tra dự án đầu tư.....	43
Điều 48. Thủ tục thẩm tra đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ ba trăm tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện	44
Điều 49. Thủ tục thẩm tra đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện	45

Điều 50. Thủ tục đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế	46
Điều 51. Điều chỉnh dự án đầu tư.....	46
Điều 52. Thời hạn hoạt động của dự án có vốn đầu tư nước ngoài.....	47
Điều 53. Trách nhiệm lập dự án, quyết định đầu tư, thẩm tra đầu tư	47
Điều 54. Lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có nhiều nhà đầu tư quan tâm.....	47

Mục 2

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 55. Thuê, giao nhận đất thực hiện dự án	48
Điều 56. Chuẩn bị mặt bằng xây dựng.....	48
Điều 57. Thực hiện dự án đầu tư có khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản.....	49
Điều 58. Thực hiện dự án đầu tư có xây dựng	49
Điều 59. Giám định máy móc, thiết bị	49
Điều 60. Tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam.....	50
Điều 61. Tài khoản ngoại tệ, tài khoản tiền đồng Việt Nam	50
Điều 62. Bảo hiểm.....	50
Điều 63. Thuê tổ chức quản lý.....	50
Điều 64. Tạm ngừng dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư	51
Điều 65. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	51

Điều 66. Bảo lãnh của Nhà nước cho một số công trình và dự án quan trọng	52
--------------------------------------------------------------------------------	----

Chương VII

ĐẦU TƯ, KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 67. Quản lý đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước.....	52
Điều 68. Đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước vào tổ chức kinh tế.....	53
Điều 69. Đầu tư của Nhà nước vào hoạt động công ích.....	53
Điều 70. Đầu tư bằng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.....	54
Điều 71. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.....	54
Điều 72. Thay đổi nội dung, hoãn, đình chỉ, hủy bỏ dự án đầu tư.....	55
Điều 73. Lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án	55

Chương VIII

ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 74. Đầu tư ra nước ngoài.....	56
Điều 75. Lĩnh vực khuyến khích, cấm đầu tư ra nước ngoài	56
Điều 76. Điều kiện đầu tư ra nước ngoài	57
Điều 77. Quyền của nhà đầu tư ra nước ngoài.....	57
Điều 78. Nghĩa vụ của nhà đầu tư ra nước ngoài	57
Điều 79. Thủ tục đầu tư ra nước ngoài.....	58

Chương IX
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ

Điều 80. Nội dung quản lý nhà nước về đầu tư.....	59
Điều 81. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư.....	59
Điều 82. Quản lý đầu tư theo quy hoạch.....	60
Điều 83. Xúc tiến đầu tư.....	61
Điều 84. Theo dõi, đánh giá hoạt động đầu tư.....	61
Điều 85. Thanh tra về hoạt động đầu tư.....	61
Điều 86. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện.....	62
Điều 87. Xử lý vi phạm.....	62

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 88. Áp dụng pháp luật đối với các dự án đang thực hiện đầu tư trước khi Luật này có hiệu lực.....	63
Điều 89. Hiệu lực thi hành.....	64

ORDINANCE NO. 32/2005/L/CTN DECEMBER 12, 2005 OF PRESIDENT ON PROMULGATION OF LAW.....	65
LAW ON INVESTMENT NO. 59/2005/QH11 NOVEMBER 29, 2005 OF NATIONAL ASSEMBLY SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM (THIS LAW SHALL BE OF FULL FORCE AND EFFECT AS OF JULY 01, 2006).....	66

Chapter I
GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of governance.....	66
Article 2. Subjects of application.....	66

Article 3. Interpretation of terms and phrases	66
Article 4. Investment policies	71
Article 5. Application of investment law, international treaties, foreign laws and international investment practices	72

Chapter II

INVESTMENT GUARANTEE

Article 6. Guarantee of capital and assets.....	72
Article 7. Protection of intellectual property right	73
Article 8. Opening of trade-related market and investment.....	73
Article 9. Transfer capital, assets abroad.....	74
Article 10. Application of unified price, fee.....	75
Article 11. Investment guarantee in case of change of law, policy.....	75
Article 12. Dispute resolution.....	76

Chapter III

RIGHTS AND OBLIGATIONS OF INVESTORS

Article 13. Self-control rights in investment and trade.....	77
Article 14. Rights to access to and utilize investment resources.....	77
Article 15. Rights to do export, import, advertising, marketing, processing and sub processing relating to investment activities	78
Article 16. Right to purchase foreign currency.....	78

Article 17. Rights to assign, adjust capital or investment project	79
Article 18. Mortgage of land use right, assets attached to land.....	79
Article 19. Other rights of investors.....	79
Article 20. Obligations of investors	80

Chapter IV

FORMS OF INVESTMENT

Article 21. Forms of direct investment.....	81
Article 22. Invest in establishing economic organizations	82
Article 23. Contract-based investment	82
Article 24. Business development investment.....	83
Article 25. Capital contribution, share buying, merge and acquisition	84
Article 26. Indirect investment.....	84

Chapter V

***SECTORS AND LOCATIONS OF INVESTMENT,
INVESTMENT INCENTIVES AND ASSISTANCE***

Session 1

SECTORS, LOCATIONS OF INVESTMENT

Article 27. Sectors of investment incentives	85
Article 28. Regions of investment incentives	86
Article 29. Conditional sectors of investment	86
Article 30. Prohibited sectors of investment.....	87

Article 31. Publication of the list of sectors, regions of investment encouragement, list of conditional investment sectors.....	88
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----

Session 2

INVESTMENT INCENTIVES

Article 32. Subjects and conditions of investment incentives	88
Article 33. Tax incentives	89
Article 34. Loss transfer.....	89
Article 35. Depreciation of fixed assets.....	90
Article 36. Incentive on land utilization.....	90
Article 37. Incentives with regard to investors investing in industrial zone, export processing zone, hi-tech zone, economic zone	90
Article 38. Procedures for implementing investment incentives	91
Article 39. Extension of incentives	92

Session 3

INVESTMENT ASSISTANCE

Article 40. Assistance for technology transfer	92
Article 41. Assistance in training	92
Article 42. Assistance and encouragement for investment development services.....	93
Article 43. Investment in infrastructure facilities of industrial zone, export processing zone, hi-tech zone, economic zone	93

Article 44. Exit and entry visas	94
----------------------------------------	----

Chapter VI

DIRECT INVESTMENT ACTIVITIES

Session 1

INVESTMENT PROCEDURES

Article 45. Registration procedures for domestic investment project.....	95
Article 46. Investment registration procedures for foreign invested projects	96
Article 47. Investment project appraisal	96
Article 48. Appraisal procedures for projects with invested capital of VND 300 billion and more which are not in conditional sectors.....	97
Article 49. Appraisal procedures for projects of conditional sectors.....	98
Article 50. Investment procedures associated with establishment of an economic organization	99
Article 51. Amendment of investment project.....	99
Article 52. Duration of projects of foreign invested capital	100
Article 53. Responsibility for establishing project, deciding investment, appraising investment....	101
Article 54. Selection of investors for projects of interest of many investors.....	101

Session 2

IMPLEMENTATION OF INVESTMENT PROJECT

Article 55. Lease and allocation of land for project implementation	101
Article 56. Site preparation.....	102
Article 57. Project implementation involving the exploitation and utilization of natural resources, minerals	103
Article 58. Project implementation involving construction	103
Article 59. Assessment of machinery, equipment	103
Article 60. Selling product in Vietnamese market.....	103
Article 61. Bank account in foreign currency and in Vietnam dong	104
Article 62. Insurance	104
Article 63. Lease of management agency	104
Article 64. Temporary cease of project, withdrawal of Investment Certificate	105
Article 65. Termination of investment project.....	105
Article 66. State guarantee with respect to a number of important works and projects	106

Chapter VII

INVESTMENT AND TRADE OF STATE CAPITAL

Article 67. Management of investment and business of state capital.....	106
-------------------------------------------------------------------------	-----

Article 68. Investment and trade of state capital into economic organizations	107
Article 69. State investment in activities of public interest	108
Article 70. Investment of development investment credit fund of the State	108
Article 71. Organizations, individuals who are assigned the management of projects using state capital	109
Article 72. Change of contents, postponement, suspension and annulment of investment project	109
Article 73. Selection of contractors for the project implementation	110

Chapter VIII

OVERSEAS INVESTMENT

Article 74. Overseas investment	110
Article 75. Sectors in which overseas investment is encouraged or banned	111
Article 76. Conditions for making overseas investment.....	111
Article 77. Rights of investor making overseas investment....	112
Article 78. Obligations of overseas investors	112
Article 79. Procedures for overseas investment	113

Chapter IX
STATE MANAGEMENT OF INVESTMENT

Article 80. Scope of State management for investment.....	113
Article 81. State responsibility for investment management....	114
Article 82. Investment management according to planning	115
Article 83. Investment promotion.....	115
Article 84. Supervision and evaluation of investment activities	116
Article 85. Inspection of investment activities	116
Article 86. Complaints, denunciations and lawsuits	117
Article 87. Handling of violations.....	118

Chapter X
IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 88. Application of the law with regard to projects that have existed before this Law takes effect	118
Article 89. Effect of implementation.....	119

